

TRỊ TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

- * Đề đi đến một bộ Việt sử hoàn toàn... Hoa-Bằng
- * Tùy hứng Song-Cối — Nguyễn-dan-Tâm
- * Những ông nghề triều Lê (LXXXVII) Nguyễn-văn-Tổ
- * Trong sử Nam không có ai là Lê-Thiện cả Ứng-hòe
- * Bàn góp về nguồn gốc tiếng Việt-nam Đào-trọng-Đủ
- * Một quyển sách nói về Cụ Nguyễn-công-Trư Nguyễn-văn-Tổ
- * Từ hơn năm mươi năm về trước... (hết) Tam-Gia
- * Đại chúng văn chương Kiều-thanh-Quế
- * Hội khuyến học Cần-thơ (hết) Nguyễn-văn-Kiệt
- * Tài-liệu đề đình chính những bài văn cổ (LIX) Ứng-hòe
- * An-Tư, tiểu thuyết (IV) Nguyễn-huy-tướng

0 \$ 50



ĐỂ ĐI ĐẾN MỘT BỘ VIỆT SỬ HOÀN TOÀN

bây giờ cần phải chia nhau khảo từng thời-dại một

HÒA-BÁNG

HƠN lúc nào hết, bây giờ chính là lúc cần phải nhặt lượm tài-liệu để cung vào kho sử- học Việt-nam hầu cho có những gỗ tốt, gạch già, xếp vào công-việc: kiến thiết mai sau mà bọn thợ tuơng-lai chính là những người sẽ phải gánh lấy công trình xây dựng ấy.

Hện nay trong kho sử-ký của ta, ngoài những sách chữ hán và chữ pháp, sử bằng quốc-văn cũ vẫn còn có mấy cuốn như bộ *Sử-ký Nam Việt* (1876) của Trương Vĩnh-ký và bộ *Việt nam sử-lược* của Trần Trọng Kim

Đối với những cuốn sử ở lớp trước đây dù có khuyết điểm đến đâu, ta nay cũng không nên đòi hỏi ở tác-giả hơn nữa.

Là vì mấy nhà tiên khu ấy, một đảng ở vào lúc thiên trọng nho học, một đảng ở vào lúc tàn cừu gao thời, từ sự nhặt lượm sử liệu ở trong các sử cũ cho đến sự ứng dụng vào một bộ sử quốc ngữ, lẽ tất nhiên còn gặp nhiều cái dở-ngữ và lắm nỗi khó khăn. Thế mà họ đã phát được lá cờ tiên-phong trên trường sử học bằng quốc văn: kẻ cũng hào-hùng lắm đấy!

Nhưng đó mới là những bước phôi-thai về sử-học của ta, ta đừng vội lấy thế làm tự mãn.

Nay muốn có một bộ Quốc-sử hoàn-toàn hơn, tích hợp hơn,

Muốn sau này có một « tòa » lịch-sử lộng lẫy nguy-nga, lẽ tất nhiên bây giờ phải tính đến chuyện xe cút, gánh vác, khuôn gạch, khiêng đá ..

Muốn có một lâu-lai đồ sộ, công-việc quyết không thể riêng trút vào mấy người thợ làm việc một cách lẻ-lẻ, lủi-thủi, vò-vó và « câu dằm ». Nhưng phải chia-công xẻ việc, mỗi người chuyên-môn nhận làm một tay: ai một thì một, ai ngổa thì ngổa, ai đào móng thì cứ chuyên đào, ai xẻ gỗ thì cứ chuyên xẻ... Rồi một ngày kia, với vật liệu ấy, người ta sẽ xây dựng lại mà làm thành một kiệt tác, một kỳ công, một « nhà lâu » lịch-sử với bao sự cố-gắng và bao sức gom-góp của lớp trước và lớp sau và lớp sau nữa.

Sử học cũng vậy, bắt tay từ giờ, chúng ta phải chia nhau mà nghiên-cứu khảo tra từng thời-dại một.

Chẳng hạn, riêng về triều Lê Thái tổ (1428-1433): Ngoài những chính sử, đã sử của ta, ta còn phải khảo thêm biết bao tài-liệu ở trong sử Tàu, nhặt lấy những tài liệu có quan-hệ đến đời Lê có thể dùng

Tùy hứng

GỬI BẠN

Bấy lâu thì bút khéo nên tranh,
Vội hát « quy lai » (1) khép cửa hành (2)
Hoa nở thôn Dương: vàng dưới mộng.
Thơ để bên Hàn: bạc treo doan.
Tiếng ngâm phảng-phất hệ mơ nhạc,
Bóng ngọc mộng-lung nguyệt tường màn.
Tức mượn hồ Gươm xa gửi gió:
Chút dụcên văn tự nặng bao tình?

Mồng một, tháng bảy, 1944

SONG-CỐI

Ca dao mới

Thời đừng năm lĩnh, bảy loan,
Thời đừng ngồi đấy phàn-nàn nữa chi!
Dường xa, ta phải cố đi,
Có cây, có cấy, có khi được mùa

Em là con gái nhà nông,
Tháng ngày làm-lụng việc đồng đã quen,
Muốn cho lúa-má tốt lên,
Ta chăm nhặt cỏ, lại thêm bón phân.

SONG-CỐI

(1) Đi về hương-lý.

(2) Hành môn nơi ở đơn-giản.

tất chúng ta, ngay từ bây giờ, phải nghĩ đến công việc lớn-lao và khó khăn ấy.

Đi xa phải từ gần; tiều cao phải từ thấp

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU I E

Số 33

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN TỬ

21. — Phạm-Tráng, người xã Dươg-nhuệ huyện Giao-thủy, phủ Thiên-trường trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến sĩ khoa nhâm-tuất 1502. Làm quan đến Lạc-bộ thị-lang (Đặng khoa bị khảo, quyển Sơn-nam, tờ 84 a).

22. — Trần-Lỗ (Trần-Lư), người xã Bình-vong huyện Tả-vọng phủ Thượng-tin trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến sĩ khoa 1502. Làm quan đến hiến-sát-sứ (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 23 b).

23. — Phan-dinh-Lục, người phường Tây hồ, huyện Quảng-dức, phủ Phụng-thiên, trấn Thăng-long. Năm 29 tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa 1502. Làm quan đến tư-khan (Đặng khoa bị khảo, q. Hải-dương Phụng-thiên, tờ 106; Đặng khoa lục, q. 1, tờ 53 a).

24. — Nguyễn-xuân-Lan, người xã Thới-mai, huyện Bão-lộ trấn Sơn-nam. Năm 33 tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa 1502. Là ông nội Nguyễn-Tảo, đỗ cử nhân năm 1592 (Đặng khoa lục, q. 1, tờ 53 a; q. 2, tờ 62 b).

25. — Trần-Huyền người xã Dế-an, huyện Kim-dương, phủ Khoá-châu, trấn Sơn-nam (bia Văn-miếu chép là người làng Dế-an, Đặng khoa lục chép là làng An-kien). Đỗ đồng tiến sĩ khoa 1502. Làm quan đến độ-ngự-sứ (Đặng khoa lục, q. 1, tờ 53 a).

26. — Lê-Hiếu-Trung, người xã Cự-nê, huyện Cự-trung (đức,

phủ Thượng-tin, trấn Sơn-nam. Nguyễn là bạng liêu có công dẹp loạn. Đỗ đồng tiến sĩ khoa 1502. Năm đinh-mão (1507) làm quan khâm, đang làm giám sát ngự-sứ, bỗng chịu phó sứ sang nhà Minh tạ về việc sách phong vua Lê Uy-mục (1501-1509). Trong đời Quang-thiệu (1516-1528) làm quan đến Quốc-tử giám tư nghiệp. Năm 1522 vua Lê-Chu-ân-tông (1516-1526) ở Lành-cung Tả-vọng-an quyết Trịnh-Tay bắt ép vua Chiêu-tông vào Thanh-hoa, ông từ chối (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 48 b). Về việc ấy, bộ Khâm-dinh Việt-sử (q. 27, tờ 7 b 8 a) chép như sau đây: « Tháng 40 nam Quang-thiệu từ 7 (1522) Trịnh-Tay đem quân ba phủ ở Thanh-hoa và tướng-sĩ cả xứ hơn một vạn, cùng với Tả-vọng-an tuần lại bộ giá vua Chiêu-tông lúc ấy ở Thượng-an quyết. Thuộc-dung của Tả-vọng-an là Nguyễn-bá-Kỷ vào hầu, hội-mưu là Phạm-Điền, sự tranh quyền mình, ta thêm d. h. h. đầu ở trại của Trịnh-Tay. Tả-vọng-an bắt bắt-b. h. và g. với bộ. Day Tuấn nói rằng: l. a. xem đất. l. a. lập trại. Đến đêm đem quân đến phục ở Dế-an-vong; gần sáng quân-chúng reo hò, tiến sát vào hành tại. Vua Chiêu-tông hoảng-hốt, không biết làm thế nào. B. Trịnh-Tay bắt ép vua về Thanh-hoa. Quốc-tử giám tư-nghiep là Lê-Hiếu-Trung từ chối. Lại bộ

thượng-thư đồng-các đại-học-sĩ (tạ kinh-diên là Vũ-Duyệt) lại bộ thượng-thư là Ngô-Hoàn và học-trò là Nguyễn-mẫn-Đỗ đem lương binh đi theo đến Thanh-hoa lạc, không biết chỗ vua ở. b. a. b. a. vọng về làng miếu Lam sơn, rồi đều tự vẫn chết hết. Đồ-g. sử là Nguyễn-lân-Vân theo nhà vua bị Mạc-r. đảng bắt. Đ. g. g. g. »

27. — Nguyễn-Đoan (bia Văn-miếu chép là Nguyễn-Đoan; còn bia q. a. b. a. khoa chép là Lâm-Đoan) người phường Thủy-chương huyện Quảng-dức, phủ Phụng-thiên, trấn Thăng-long. Năm 30 tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa 1502. Làm quan đến tư-khan (Đặng khoa bị khảo, q. Hải-dương Phụng-thiên, tờ 106 b; Đặng khoa lục, q. 1, tờ 53 a).

28. — Lê-dinh-Tuông người xã Cao-mai, huyện Kim-bảng, phủ Lỵ-nhan trấn Sơn-nam. Năm 29 tuổi đỗ đồng tiến sĩ khoa 1502. Làm quan đến phó độ-ngự-sứ (Đặng khoa bị khảo q. Sơn-nam, tờ 78 b).

29. — Đào-thức-Viện, người Song-k. huyện Yên-dũng, phủ Lạng-giang, trấn Kinh-bắc. Năm 31 tuổi, đỗ đồng tiến sĩ khoa 1502. Là quan đến Hàn-lâm, vào làm tòa Kinh-diên, b. q. quân-sự (Đặng khoa bị khảo, q. Kiến-b. a. tờ 73 b; Đặng khoa lục, q. 1, tờ 53 a).

30. — Nguyễn-văn-Đệ người xã An-l. huyện Cự-trung-dức, phủ Tả-vọng trấn Sơn-nam. Đỗ đồng tiến sĩ khoa 1502. Làm quan đến Lạc-bộ thượng-th. (Đặng khoa bị khảo, q. Sơn-nam, tờ 49 a; Đặng khoa lục, q. 1, tờ 53 a). (Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN TỬ

Trong Sử Nam không có ai là Lê Thiện - cả

Ứng-hoà NGUYỄN VĂN TO

Trong *Tri-Tân* số 149 ông Hòa-Bằng có viết một bài đề là *Một vài vấn đề lịch-sử đã làm những việc chuyển đất xoay trời*. Ông căn-cứ vào quyển *Việt Nam xuân-thu và quyền Lịch đại-thống-giám lập lăm* nói rằng về đầu triều Lê có một vị vua mưu-thần vừa danh-tướng lại là em ruột vua Lê-Lợi, tại sao các sử ta không quyển nào chép đến, và « chất chích cá» nhà cao minh sử-học? Tôi không dám nhận là « cao minh» và cũng không dám nhận là « sử học», nhân làm ở Bắc-cổ, nên có tìm được những tài liệu như sau này:

Năm 1935 trường Bắc-cổ có in những ảnh bìa *Lam-sơn*, là những bìa kỷ công các vua đầu triều Lê (trong quyển E. Gaspardone, *Les stèles royales de Lam-sơn*), vì thế tôi được xem tấm bìa Vĩnh-lãng là bìa ghi công đức sự nghiệp vua Lê-Lợi trong bìa chép rằng: « Hoàng khảo (bố vua) huý Khoáng, hoàng tỷ (mẹ vua) họ Trịnh huý Thương, sinh ba con gái, con trưởng tên là Họ, con thứ tên là Trừ, con út tên là vua (Lê-Lợi) ». Thế thì vua Lê-Lợi là con út, còn có em nào nữa; phàm những việc lâu đời đã trải qua đến trăm người năm về trước, thì còn gì chắc chắn bằng bia đá. mà chính bài văn trong bia ấy lại do ông Nguyễn-Trãi là mưu-thần của vua Lê-Lợi làm ra.

Ngoài tấm bìa ấy có quyển *Lam-sơn thực-lục*, làm xong năm Tân-hợi (1431) chính vua Lê-Lợi về

trưa; xem trong « *Lam-sơn thực-lục* » thì chép thế-hệ và tông-tích vua Lê-Lợi cũng giống như bia đá.

Về sau có quyển *Đại-Việt-thống-sử* (sách viết của trường Bắc-cổ, số A 1389, q. 1, tờ 9 b) của ông Lê-quý-Đôn, là quyển sử có giá-trị x ra nay, cũng chép rằng: « Hoá-tg khảo tôi phong là tuyền-tổ Phủ; Hoàng-đế, huý Khoáng, Hoàng-tỷ tôn phong là Trịnh-từ ý văn hoàng hậu, họ Trịnh huý Ngọc-Thương sinh ba con gái, con trưởng tên là Họ (sau truy phong là Chiêu-hiến Đại-vương, con thứ tên là Trừ, sau truy tặng là Hoàng-dụ Đại-vương, con út tên là vua (Lê-Lợi) ».

Cả bia đá và sử sách đều chép vua Lê-Lợi là con út, thế thì làm gì có em, mà đến em họ cũng không có nữa, vì ông Lê-Khoáng sinh ra vua Lê-Lợi cũng là con út. bia Vĩnh-lãng. *Lam-sơn thực-lục*, (sách viết trường Bắc-cổ, số A 2369, tờ 1 a và b) và *Đại-Việt-thống-sử* (q. 1, tờ 9 a và b) đều chép rằng: « Tằng-tổ (cụ ông) là Lê-Hối, tằng-tổ-tỷ (cụ bà) là Nguyễn-thị Ngọc-Duyệt, Tò-khảo (ông nội) là Lê-Dinh, Tò-tỷ (bà nội) là Nguyễn-thị-Quách, sinh hai con gái, con trưởng là Tòng, con thứ là Khoáng, Khoáng sinh ra vua Lê-Lợi ».

Thế mà *Việt-Lam-xuân-thu* lại chép vua Lê-Lợi là con ông Lê-Thường đã là một điều sai, quyển ấy lại chép rằng: nhà họ Lê có bốn anh em, trưởng là Lê-Lai, thứ hai là Lê-Lợi, thứ ba là Lê-

Thạch, thứ tư là Lê-Thiện, đều svi hết cả, trong bốn người ấy thì ba người có tên, nhưng không phải anh em, còn Lê-Thiện thì tuyệt nhiên sử ta không chép đến. Ông Lê-Lai là người thôn Dưng-tú sách Bắc-giang huyện Lương-giang « *Đại-Việt-thống-sử*, q. 31, tờ 29 a »; thế là người ở huyện với vua Lê-Lợi, chứ không phải là anh em, ông Lê-Lai có thế hệ rõ ràng « cha là Lê-Kiểu, đời đời nối chức phụ đạo, sinh hai con gái, con trưởng là Lê-Lai, theo vua Lê-Lợi khởi nghĩa, mất về trận đánh ở cửa ải Khả-lưu năm Ất-tý (1425), được truy tặng Hiệp-quân công, con thứ là Lê-Lai, tính khí cương trực, dùng mạo là thư tướng, trở về khi vua Lê-Lợi chưa khởi nghĩa, năm ấy là năm bình-thất (1416) vua Lê-Lợi và 18 người võ tướng ăn thề, cùng nhau sống chết, ông Lê-Lai đến dự, được làm chức Đô-tổng-quân; đến năm Mậu-tuất (1418) vua Lê-Lợi khởi nghĩa, vì lúc đầu tướng của yếu, quân ít, bị tướng Minh đánh đuổi, phải ăn ở cảnh-cao tướng Minh chia q. ăn và k. bốn mặt, thế rất nguy cấp: vua Lê-Lợi hỏi các tướng « Có ai chịu mặc áo của ta, đem quân ra giữa trận giặc, xưng danh hiệu ta, như chuyện Kỳ-tin chết thay Hào-Gao, để cho ta nương nấu ít lâu, rồi lại khởi phục? » Các tướng đều nín lặng, Lê-Lai phấn khởi nói rằng: « Tôi xin rằng ngày sau có thiên hạ, thì nghĩ đến công tôi, mà cho con cháu tôi đời đời được hưởng lộc nước ». Vua Lê-Lợi lấy làm

thương tiếc, có ý ngăn
ngừ, Lê-Lai nói rằng:
«Tình-thế đã khốn bách
tư thế này, thì chẳng
còn kế gì hơn thế, nếu
đề cả vua tôi cùng chết,
thì có ích gì? Lòng bề
trên - hẳn vì nước,
không khi nào dám tiếc »,
Vua Lê-Lợi lấy trời làm
rằng: « Ngày nay Lê-Lai
có lòng dẫu áo cho ta để
chết thay, ngày sau ta
cùng con cháu và con cháu
các tướng tá công-thần,
nếu không nghĩ đến công,
thì xin cùng địa hóa núi
rừng, ẩn ngọc hóa đồng,
kểm thần hóa đạo bình »,
Lê-Lai bèn đem năn
tăm qĩa, xông ra trận
giặc, người Minh tướng
là vua Lê-Lợi thật, kẻ
hết quá đến đánh, Lê-
Lai sức kiệt, bị bắt, sau
bị giết: Vì thế vua Lê-
Lợi được hoán binh để
lo toan việc sau » (Đại-
Việt thông sử, q 31,
từ 29 a và b).

Thế là ông Lê-Lai mất
năm 1419. — Lê-Thạch
là con ông Lê-Học, tức là
cháu gọi vua Lê-Lợi bằng
chú ruột, vì khi vua Lê-
Lợi còn nhỏ được ông
Lê-Học trông nom nuôi
dạy; cho nên về sau vua
Lê-Lợi yêu mến Lê-Thạch
như con đẻ. Lê-Thạch là
người nhân-lữ, ham học,
có sức khỏe hơn người,
khéo trông nom sự việc
của vua Lê-Lợi khi
nghĩa ở Lam sơn thường

TRẠNG VINH QUI

Bạch nhật mạc nhân quá,
Thần-xuân bất tái lai!
Song liên cần khổ học,
Mã thượng cảm y - hồi

*

Ngày trăng ai ơi chớ bỏ hoài
Tuổi xanh đầu giờ lại cùng ai!
Bên song chịu khổ chằm mà học,
Áo gấm xanh-xang trên ngựa hồi.

*

Thiếu niên sợ đứng đợi,
Hoàng đô đặc ý hồi.
Vũ-môn tam cấp lạng,
Bình-địa nhất thanh lời.

*

Tuổi trẻ mà nay đã đỡ rồi
Kính thành giờ lại thỏa lòng giai.
Vũ-môn ba đợt qua triều sóng,
Đất lạng vang âm một tiếng lời

*

Kim bảng đề danh nhất,
Thanh-vân đặc lộ thì.
Văn-chương phương hiển quý,
Thiên hạ ái thanh tri.

*

Bảng vàng nay đã có lên ai,
Nhẹ gót mây xanh bước thành tươi
Mới biết văn chương rực rạng rỡ,
Lừng danh ai chẳng rõ anh tài.

*

Độc chiếm nhất danh cao,
Phong-lưu áp chúng hào.
Thám hoa qui khứ văn,
Hương kị mãn tam báo.

*

Tên hieu cao với một mình ai.
Sung sướng trên trên lớp sóng người
Mê mãi thắm hoa về muộn bước,
Áo xanh còn đắm ngát hương giới.

NGUYỄN ĐÀM-LÂM dịch

sai ông Lê-Thạch làm
tiền-phong, đi đến đâu
được đấy, đến năm lân-
sử (1421) làm tiền phong
trận đánh Ai lao bị trúng
mũi tên, rồi chết, vua Lê-
Lợi lấy làm thương tiếc.
(Đại-Việt thông-sử, q 31,
từ 28 a và b).

Ấy một người là tướng
chân tay, một người là
cháu, mà Việt-Lam
xuân thu lại chép một
người là anh một người
là em, thật là sai tất cả.
Hồi chép t em một tên
Lê-Thiện nữa, bảo là
em vua Lê-Lợi, không
những chép là em mà thốt
lại chép là chánh quan
sư của vua Lê-Lợi, ông
Nguyễn-Trãi lấy còn là
phó quan-sư không có lẽ
một vị chánh quan sư và
là em ruột vua Lê-Lợi,
mà trong bia Vĩnh lăng
ông Nguyễn Trãi lại không
chép đến. Vậy thì quyển
Việt-Lam xuân-thu là
một quyển theo tình cách
têu thuyết không nên tin.

Chính ông Hoa-bằng
cũng đã nói thế Nhưng
ông lại nói thêm rằng:
vì một quyển sử Tàu,
là quyển Lịch đại thông-
giám tập lãm (q 103, từ
8 b) có câu: « Lê-Lợi đệ
Thiện công Giao-châu
phủ » nghĩa là em Lê-
Lợi là Thiện, trấn phủ
Giao-châu. Quyển ấy là
một quyển của trấn-
thần Cảnh-long (1736 —
1795) của đời Minh.
(Xem tiếp trang 20)

BÀN GÓP VỀ NGUỒN GỐC TIẾNG VIỆT NAM

ĐẠI TRỌNG ĐU

5. — Sự biến đổi không ngớt của tiếng nói

Nòng nọc ở dưới nước hóa ra con cóc nhảy lên trên cạn: không ai lấy làm lạ. Con quăng ở dưới nước hóa ra con muỗi bay lên trên không: ai cũng cho là sự thường. Đến như con sâu róm rất xấu mà hóa ra con bướm bướm rất đẹp: sự biến đổi còn lạ nữa mà ta vẫn cho là lẽ tất nhiên của Tạo hóa.

Ta không lấy làm lạ, vì những sự biến-dổi ấy xảy ra trong một thời-kỳ rất ngắn, mắt ta có thể trông thấy được. Còn như biến-dổi của tiếng nói đã xảy ra trong hơn hai ngàn năm nay, ta không thể pò rứt lại một vài ngày hay đêm ba tháng, cho mọi người đều trông thấy. Bàn về nguồn gốc Việt-ngữ, tất nhiên ta phải nghi-nghe hoặc hoặc. Rồi có ai nói: những tiếng *đai*, một, hai (lần trước tôi đã xin lỗi độc giả rồi), đều ở chữ *nh* mà ra cả; *ja* ở chữ *a*, *đai* ở chữ *niêu*, một ở chữ *nhất*, hai ở chữ *nhị*. Ta giả như ngay: Không thể được: chữ *nh* khác nhau một giới một vực, có đâu lại chung một nguồn gốc? Không những ta ngạc nhiên ta còn tức-giận với người đã cả gan hỏi những câu vô-lý như vậy. Nhưng tưởng khi nghĩ thế, ta quên rằng chữ *casserole* nhập-tích

vào Việt-ngữ đã thành ra cái « soong ». Chữ « soong » khác chữ *casserole* nhiều, hay chữ một khác chữ nhất nhiều, ta không có cách nào so sánh được. Dại đâu mà bảo đo, nặng đâu mà bảo cân, cho nên cái vấn-đề nguồn gốc Việt-ngữ, dù ai bàn đến cho vừa tai người nghe được. Người nghe thường phải giữ cách lịch sự và đáp lại những nhời quả-quyết của người nói bằng một nụ cười xuống. Một nụ cười cố sức dằn-dã mà nó vẫn nhạt như nước lã.

Tôi biết vậy, nhưng chưa hề nản chí. Tôi thích khảo-cứu về nguồn gốc Việt-ngữ, như chúng bạn thích đánh cờ-tôm; mỗi khi tôi tìm thấy một tiếng ngoại-quốc có thể so sánh với tiếng Việt-nam được, tôi cũng thích như ù chi chi vậy! Thật là kho giới chung mà yò tận của mình riêng! Một kho vô-tận ấy đã khuyến-khích tôi rất nhiều, nên mới dám đánh bạo đề-xướng lên cái thuyết: tiếng nói có thể biến đổi đi một cách không ngờ, và không biết đâu là giới hạn. Nghĩa là chữ A có thể biến ra hết thấy các mẫu-tự khác, từ A đến U; chữ B có thể biến ra tất-cả các tự-từ khác từ C đến Z.

(Trong bài này có mấy chữ cần viết tắt cho tiện: quảng-dông = qđ; bắc kinh = bk; tiếng xiêm = x; tiếng Nhật = nb).

A — Biến - đổi của mẫu - tự

A = Ǻ như: bán ngày = bán ngày
ham ba = hăm ba
đang ấy = dǎng ấy
hàng ngày = hǎng ngày

A = Ǻ như: đày (mǎng) = giầy
đay (học) = g'ay
hầy (vẽ) = bǎy
cầy (ruộng) = cǎy
đầy (đi đày) = đǎy
cay (cay cú) = cǎy
tầy (hàng) = tǎy

A = E như: trà = chẻ
(nước chè)
mà (vùng) = mǎ (tiếng nam-kỳ)

má = me
xa = xǎ
hạ = hǎ (mùa hè)
hà = hǎ (tôm hẹ)
xả = xǎ
sa = sǎ (áo sǎ)
nhá = nhǎ
nhả = nhǎ (lẻ ra)
pháp = phǎp
hạn = hǎn

giảm, qđ = kǎm = kǎm
giảm, qđ = kǎn = kǎn (kẻ chọn)

cao - chín = qđ = kǎn (ciseaux)

giao, qđ = kǎo = kǎo (đồ giã)

báo = beo (con beo)

sát = xǎt
bát (chữ nho) = bǎt (bát bát)

trạo = chẻo
quan = quan

khoe	=	khoe
khao	=	khao
khao, qđ	=	khao
trăm	=	chém
trên	=	trên
phần	=	phần

A = Ê như : chữ nhỏ — quảng đông :

xá (xa-xi)	=	số
xa (là xe)	=	số
giả (dóc giả)	=	chê
gá (là mia)	=	chê
giá (là cái này)	=	chê
là là viết	=	số
xá là rấn	=	số
xá (xá, hột)	=	số
xá là bán	=	số

A = Ê như : lá, qđ (dã) = ú x m
 lá x m = ú (hột)
 lá (lá c. lá) = lá, qđ (hột)

hả (hả lộng) = hả

đã = dĩ

xa (xá-xa) = xá (xá-xa)

ngân = ngân

sinh = sinh, v.v.

phân = phân, v.v.

A = O như :

lãng = lãng

phân, B = phân

khao lạng = khao lạng (tiếng miền)

sai = sai (vui sai)

kai = kai

ma = ma

A = O như : chữ n' — quảng đông :

ca (hát) = ca

ca (hát) = ca

la là tươi = la

mã là mã = mã

ma là ma-quí = ma

ma là mã = mã

đã là quí = đã

đã là đã = đã

đã là đã = đã

CÙNG CÁC ĐỘC GIẢ THÂN MẾN

Trong bốn năm cố gắng, Tri Tấn đã đi được vũng vàng trên đường văn hóa, mọi phần ứ đọng là nhờ tất cả các bạn độc giả trung tâm xú. Chúng tôi không biết lấy gì cảm tạ, là—nào cũng chỉ xin hết sức cố gắng để đi đến bước thành công.

Song tình-hình gây mọi ngày một khau và dặt, sự bi-sinh của chúng tôi có chừng, mong độc giả lượng xét cho tình thế mà thôi tất cho. Vậy bắt đầu từ 1er Juillet 1944, chúng tôi buộc lòng phải tăng thêm giá báo theo sau đây :

1 năm	20 \$ 00
6 tháng	11. 00
3 tháng	6. 00
mỗi số	0. 50

Trong lúc khó khăn này, chúng tôi vẫn tiếp tục cố gắng để tiếp tục sống.

Kính đạt
TRI-TẤN

A = O như :

đàn = đàn

đã = dĩ

ma, (ngay ma) = ma

giải = giải

đám = đám

đãi = đãi

đãi = đãi

A = U như :

màn = màn (tiếng

nam-kỳ)

man, (man trái) = man (qđ)

bản = bản, qđ

lai, qđ (lái) = lái

lái (lái) = lái

Ra = ra (xuất)

A = U như :

thủ, nữ bên đực là = thủ (thủ)

giã, hôn bên đực là = chur (chur)

giã, hôn bên đực là = chur (chur)

giã, hôn bên đực là = chur (chur)

giã, hôn bên đực là = chur (chur)

đã thò dơ = đã thò dơ

đã = đã

a (a) = a (a)

là = là

là = là

là = là

là = là

là = là

là = là

là = là

là = là

là = là

là = là

là = là

là = là

là = là

là = là

là = là

là = là

là = là

là = là

Một quyển sách mới

về CỤ NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

Ứng-hoà NGUYỄN-VAN-TỔ

Tạp-chi Văn-mới số 30-31, ra ngày 25 tháng 3 tây vừa rồi, đăng quyển *Tâm lý và tư tưởng Nguyễn công Trứ* của ông Nguyễn Bách Khoa, sách dày 384 trang.

Mới trông tên sách, ai cũng tưởng rằng tác-giả sẽ cho ta được nhiều điều ích lợi. Như thơ ca bằng chữ nôm của cụ Nguyễn-công Trứ, đã truyền tụng xưa nay, có lẽ tác-giả sao-lược được nhiều và chú thích dẫn giải được kỹ. Từ từ số đầu trong khi cụ mở huyện Kim-sơn và Tiền-hải, và tờ lộ-bố, tấu tiếp trong khi cụ đánh bắc (cụ làm tham-tán đạo Thái-nguyên, Cao bằng), dẹp nam (cụ làm tán-lý Trấn-ây), chương trình cụ lập thanh trừng lý, trừng ấp từng trại, từng giáp, trong khi cụ làm Doanh-diên sứ đề khai-khẩn đền-dền, có lẽ tác-giả nói ra rõ-ràng, vì tâm-lý và tư-tưởng người ta thường ngụ trong văn-chương, và cách xử-sự. Nếu tác-giả làm được như thế, thì quyển sách này dày gấp ba cũng phải. Đáng này lại không thế, phần nhiều nói ra ngoài đầu đề. Như chương thứ 2 nói về *trí-thức-hệ nho-giáo*; chương thứ 3 nói về *đảng cấp nho sĩ Việt nam*, v. v., đều là những đầu đề gán vào cụ Nguyễn-công-Trứ mà không sát.

Giá tác-giả không lấy thuyết nọ thuyết kia gán cho lịch-sử nước ta và sự-tích cụ Nguyễn-công-Trứ, thì cũng có nhiều đoạn được. Nhưng tác-giả lại đem ý riêng của

mình đề vu-thống cho người đời xưa, như trang 84 tác-giả chép: «*Lý-Tiến dâng sớ, Lý-cầm phục xuống sân kêu cầu tha thiết*»: đó là cách-thức đòi quyền lợi đầu tiên của đảng cấp nho sĩ Việt-nam. Mà quyền lợi gì? Quyền làm quan như người Mầu-quốc. Nguyên vọng thấp hèn, thái độ quy lụy, có tính cách nô lệ: đó là tất cả tinh-thần của đảng cấp như sĩ Việt-nam lúc mới thành hình». Tác-giả cho việc phủ phục ở sân rồng vua Tàu là «*quy-lụy*», là «*nô lệ*» thì có lẽ nhầm. Đó là lễ nghi đời xưa hiện giờ ở Âu-châu các triều-dinh nước Anh nước Ý, gặp ngày lễ lớn quán hoặc dân đến với vua cũng phải quỳ xuống một chân. Huống chi ngày hôm Lý-Cầm tấu với vua Tàu, lại là ngày tết (chính là ngày lễ lớn). Các nước chư hầu còn đến triều hội, không có lẽ Lý-Cầm làm chức túc-vệ ở đài (cũng như chức thị-vệ của ta) lại không giữ lễ.

Tác-giả nói: «*Đòi quyền lợi gì? Quyền làm quan như người mầu-quốc.*»

Nguyên vọng thấp hèn. . . » Thế thì cũng nhầm. Được quyền làm quan như người Mầu quốc, sao lại gọi là «*Nguyên vọng thấp hèn*»? Chính vì có Lý-Tiến Lý-Cầm, người Tàu mới chịu cho những người Nam đồ hiệu-liêm Mậu-tài được bổ huyện-lệnh bên Tàu. Chính hai ông ấy, một ông (Lý Tiến) làm đến thứ sử Giao-châu, tức là người cầm đầu vận mệnh nước Nam hồi

bấy giờ; một ông (Lý Cầm) làm đến ty-lệ hiệu-ủy; theo quan-chế nhà Hán thì ty-lệ hiệu-ủy cũng như tể-tướng đời sau. Nếu không có bọn nho-sĩ Việt-nam, tại sao được thế?

Lại như trang 87, tác-giả chép rằng: «*Năm 939, Ngô-Quyên xưng vương đóng đô ở Cổ Loa là năm thành công triệt để của giai cấp địa chủ và quan liêu Việt-Nam trong cuộc chiến đấu cho sự giải phóng dân tộc*...». Sử chỉ chép Ngô-Quyên «*đặt trăm quan, chế ra ngh-thức trong triều*», và khen «*làm ni-ưng việc ấy, có quy-mô đề-vương*». *Khâm định Việt-sử, tiền biên*, q. 5, tờ 20 b và 21 a), chứ không thấy chỗ nào chép Ngô-Quyên phân ra «*giai-cấp*» cho rằng có đem các sử ra so-sánh, cũng không lấy chỗ nào mà kết luận rằng: Năm Ngô-Quyên lên ngôi «*là năm thành công triệt để của giai-cấp địa chủ và quan liêu*» vì rằng không cứ thời-đại nào, dân-tộc nào, chế-độ nào, cũng phải có địa-chủ, có quan-liêu, thì mới thành nước không thì chỉ là những «*bộ lạc*» mà thôi.

Đến trang 88, tác-giả nói rằng: «*...ta không lấy làm lạ rằng suốt đời Bắc-thuộc (hơn một nghìn năm), nao học truyền sang Việt-Nam rất cần cù liên-tiếp mà sử không chép được lấy một nhà nho nào xuất-sắc*». Thế là tác-giả không đọc kỹ sử Nam. Nước ta thuộc về Tây-Hán từ năm 111 trước Thiên-chúa. Người cai-trị đầu tiên là Thạch-Đái sang từ năm 110 tr. T.-G. kể chân Thạch-Đái biết bao nhiêu người, sử không chép rõ, vì không có chính-sự gì hay và cũng không có chính-sự gì ác. Đến năm 29 sau T.-G

có Tích-Quang và Nhâm-Dien là hai chức thái-thủ hai quận, chứ không có quyền gì cả Giao-chỉ, một người dạy dân lễ nghĩa, một người dạy dân cấy cấy và lễ giá-thú. Thế là Bắc-thuộc đến năm 140 (111 tr. T.-C. đến 29 sau T.-C.) mới có người dạy lễ nghĩa, chứ chưa dạy đến sách. Lại cách 158 năm nữa mới có Sĩ-Nhiếp sang làm thái-thủ Giao-chỉ (vào năm 187 sau T.-C.) mở trường dạy dân học tập *Thi-Thư*, nhưng cũng chỉ được trong đời Sĩ-Nhiếp, về sau Ngụy, Ngô, Tấn tranh nhau Giao-châu, hết hồi tranh nhau đến Nam Bắc triều, rồi đến ngũ đại, bên Tàu bắt cử người sang cai trị còn chưa xong, thì giờ đã mà lo tâm đến việc học? Thế mà tác-giả nói « nhỏ học truyền sang Việt-Nam rất là cần-cù liên tiếp có phải là không đúng không? »

Trên kia tôi theo chính-sử thì chép thế, Gắn đây có quyền *Sử-ký cải-lương* (q. 1, tờ 26 a), đại ý nói rằng trước đời Sĩ-Nhiếp đã có Trương-Tống, Lý Tiến, Lý-Giân đều là nổi tiếng khoa-danh, thế thì nước ta thông *Thi-Thư* đã lâu, có lẽ trong đời Tích-Quang, Nhâm-Dien đã có mở nhà học để dạy dân. Lời bàn ấy cũng có lý, nhưng « cần-cù và liên-tiếp » tuy khi ông phải; vả lại, dầu có mở nhà học, thì những nhà học ấy cũng chỉ dạy dân biết lễ nghĩa mà thôi, còn như học để thi đỗ, thì thế nào cũng phải sang Tàu học một ít lâu mới đỗ được.

Đến câu tác-giả nói « Sử không chép được lấy một nhà nho nào xuất sắc » cũng nhầm; có lẽ tác-giả quên sử. Bộ *Đại Việt sử-ký toàn-thư* (q. 5, tờ 5 a) và

Đại-Việt sử ký tiền biên (q. 9, tờ 8 a-b) đều chép: « Nước ta có ông Khương-công-Phụ người quận Cửu-chân, có cao tài, đỗ tiến-sĩ nhà Đường, bổ chức hiệu-thư-lang, rồi thăng đến Hàn-lâm học-sĩ, mỗi khi yết-kiến, tâu bày nhiều điều bổ ích, vua Tàu rất khen, thăng Gáo ngli đại-phn, dần dần thăng đến trung-thư môn-hạ bình-chương-sự (tức lễ-tướng) cha là Khương-công-Đĩnh, em là Khương-công-Phụ đều đỗ tiến-sĩ nhà Đường... » Các sử đều chép Công Phụ là « Nam hiền dụng bắc » nghĩa là « Người hiền tài nước Nam làm quan bên Tàu » và thế là « tùy thời », quyền *Trung-học việt-sử lược-yếu* (q. xuân, tờ 53a) có bài bàn rằng: « Lúc bấy giờ nhà Đường hạn chế người nước ta thi khoa Minh-kính tiến-sĩ-Tàu; mỗi năm lấy đỗ không quá mười người, mà nhà ông Khương-công-Phụ ba người đỗ giáp-bảng, thật là đứng đầu sĩ lam ở cổ Giao-Nam ». Thế sao lại gọi là Sử không chép được một nhà nho nào xuất-sắc? »

Còn một người nữa, sử có chép mà người ta không đề ý đến, là « ông Tinh-Thiếu, gọi từ chương, đến đề tuyên bố làm quan, thì Lại bộ thượng-thư nhà Liang là Thái-Tân cho là bộ Tinh không có tiền-thiền (cũng như ta nói không phải dòng dõi nhà quan) bổ chức Quảng-dương môn-lang, Tinh-Thiếu lấy làm xi trở về cùng Lý Bí khởi binh » (*Khám định việt sử tiền biên* (q. 4, tờ 1 b), sau là n văn bản của Lý Bí tức là quân sự của vị anh-hùng dựng nền đế-quốc đầu tiên của nước Nam.

Cùng trang ấy là trang 8a lạc

giả đại kết một câu rằng: « Học chỉ đề xu-nịnh quan trên và đề áp bức kẻ dưới, thì làm sao mà phát kiến được những chân-lý xâu-sắc của kỷ? » Tác-giả nói thế không sợ tội với ông Tinh-Thiếu ư?

Đã không nhắc ơn người trước, lại nói xấu thêm, trích mấy đoạn ấy đủ biết cái ý kiến của tác-giả thiên về thuyết nào; đã thiên về một thuyết thì làm sao mà biết được tâm-lý và tư-tưởng cổ nhân? Mới xem mấy chục trang đầu đã lộ chân tướng của tác-giả, không cần phải vạch rõ những chỗ khác. đại khái cũng nhầm lẫn như thế hết.

Trả lời tập chí Văn mới (Hàn Thuyên)

Dưới quyền *Văn học khái luận* của ông Đặng-thái Mai in trong *Văn mới*, số 36-37, ra ngày 25-6-1944, có mục *Văn mới tập trở* nói về những bài phê bình sử-học ở *Trí tân*.

Văn mới nói « lời phê bình » của tôi « có mấy điều cốt yếu » như sau này: « Vài những chữ, những điển tích, những tài liệu mà ông (1), những câu văn... cho là « sai », là « lầm », rồi chữa lại theo sự nghiên cứu đặc ý kiến riêng (?)... »

(Xem tiếp trang 17)

Giá báo	
1 năm	20 \$ 00
6 tháng	11 \$ 00
3 tháng	6 \$ 00
Mỗi số	0 \$ 50

Giới thiệu ngoại văn

TỪ HƠN NĂM MUỐI NĂM VỀ TRƯỚC, một người đã đến từ về thế giới bây giờ và thế giới mai sau

Số 2

TAM-GIA

Một đêm đông, có mấy người cưới ngựa đến chùa ở đồi Boulouktou để hái cây tăng đã đến họp cả trong giữa gác ấy. Trở rồi một người trông họ là một lão ngai ngồi và chất mũ ra. Ấy đây đều số quý xuống, vì người ấy cũng phải bị xa lạ, chính là Chúa ở Thế giới, chính là người đã thấu hết các bí mật vũ trụ. Ngài tụng kinh bằng tiếng Tây tạng, giảng-phúc cho mãn-lòa rồi tiễn-ra những việc năm mươi năm sau. Trong khi ngài tụng kinh cái cửa buồng bên (gác gần làm hai) ở trước ban thờ tự nhiên mở tung, mà đèn nến trên bàn thờ đồng thời cũng sáng trưng; cả những đỉnh trầm, không có lửa, cũng nghi nút khói, làm gian buồng thơm nức. Tên-tri các việc xong, Chúa lễ Thế giới cũng từ lòng hối nhiên biến mất, không để lại một dấu vết; duy vóc ở trên ngai tự sáng thẳng ra, như ch ra có ai ngồi vào.

Ông Ferdinand Usardewski theo Boulouktou vào ngay gian bên đứng là nơi thờ; trong khi Boulouktou quý xuống tụng niệm, ông nhìn bộ mặt yên-tĩnh và lạnh nhạt của ông Phật và nghĩ chời. Joan đưa mắt nhìn về phía cái ngai. Thật là một việc quái-dị và

khó tin! Ông trông thấy trước mặt một người thực, không ảo, trắng, khỏe mạnh, nhiều bắp thịt, mặt sạm, quần áo và hàm lộ vẻ nhàn-giải, cặp mắt sáng người và sáng lấp lánh, thân thể không suốt như đá, nên ông vẫn thấy hàng chữ Tây tạng ở trên ngai. Ông nhìn mắt lại, không lại một từ không có ai nữa; nhưng chiếu đèn vào trên ngai dường như động-dậy.

Ông không tin, — chỉ là một phách-bác-tơ như ông lại tin ngay — đó là tâm-trí mình loạn động. Càng lúc ấy, vị Houtouktou ngoài lại bập ông:

— Ngài đưa chiếc banyk (t) của ngài đây cho tôi. Xem ý ngài như lo ngại về số-phận người thân-thích. Tôi muốn kêu cầu cho họ. Phải kêu cầu mới được, cả ngài nữa, kêu xin Thượng đế; phải để lòng ngài hướng về phía đúng, còn ở Thế-giới từ giờ đã qua đây.

"Houtouktou đón chiếc banyk của ông đem đặt lên vai Phật rồi quý lễ và tụng kinh. Xong, ngài ngẩng đầu lấy tay ra hiệu cho ông

— Ngài hãy nhìn cái khoảng trời đằng sau pho tượng Phật; chúa ở Thế-giới sẽ chỉ cho ngài xem người thân-thích của ngài.

Ông y lời. Giây lát, trong khoảng tối om, có những sợi trông suốt bắt đầu hiện như những đám mây,

như đầu đon lờ mờ, sau dần dần dần lại, nhiều hơn, bao lớn lúc thành hình người và vật. Thế là ông trông thấy trong một gian nhà là tất cả gia đình và bạn thân của mình, cả những người khác nữa. Ông lại nhận ra cả cái áo của phu nhân; nét mặt phu nhân rõ ràng lắm, trông thấy được. Hình ảnh dần dần mờ, biến trong những đám khói, sau cùng biến hẳn. Đằng sau pho tượng lại chỉ thấy tối om.

Ông trông chỉ mình ông trông thấy thế; có ngờ đâu, đột ra, ông thấy làm kinh ngạc rằng hai người Nga nữa, cùng đi với ông, cũng được chứng-kiến sự hiển-hiện ấy; họ còn tả được cả đáng-dấp, kỳ-pec của những người thân-thích ông đã trông thấy đằng sau lưng lưng. Nhưng, cho chứng-cứ về việc hiển-hiện lạ-lùng này, ông yêu cầu hai người khác-kien thảo bài trông-thuật như các cái họ trông thấy; hiện những giấy này còn gửi.

Nhưng có ai được trông thấy chúa lễ Thế-giới chưa? Ngài đã giảng-làm xuống Tiêm-la Ấn độ năm lần. Ngài ngự trên một cỗ xe lộng-lẫy toàn vàng với châu ngọc, có voi kéo; còn chính Ngài khoác một chiếc áo trắng, đầu đội chiếc mũ miện đồ cổ kim-cương rõ xuống mặt như nước sông. Ngài cầm một quả táo bằng vàng.

giáng-phúc cho nhân-gian. Mắt người nhìn đầu, người mà lại sáng mắt, người điếc lại biết nghe, người lạng-tạt lại đi được, người chết chỗi dậy trong mộ. Cách đây non hai trăm năm, Ngài cũng giáng lâm chùa Erdere Dzou ở gần lịqh Zain Chabi, chùa Sakka và chùa ở Narabanchi Kure (đều ở Mông-đô).

Nhiều lần các Lạt-ma ở Ourga và Lhasa có cử sự-bộ lên hầu chúa-tể Thế-giới; nhưng không thể tìm được Ngài. Chỉ có một tướng Tây-tạng, sau một trận giao tranh với dân Mông-đô, tìm ra một cái hang có chữ để: « Đường này đưa đến Agharti ». Trong hang có một người bình dáng đẹp-để đi ra; đưa trao cho một thỏi vàng đầy những dấu hiệu bí-mật người ấy bảo: « Vua tướng ».

— Chúa-tể Thế-giới sẽ giáng-lâm trước mặt người trần khi nào thời-ero đến để Ngài dẫn dắt thấy những người thiện tran-đấu với người ác, nhưng bây giờ chưa phải là lúc ấy. Những người xấu-xa nhất của nhân-loại chưa ra đời.

III. — Lời tiên-tri của Chúa-tể Thế-giới từ năm 1890

Theo lời vị Horowou ở Narabanchi, khoảng năm 1890, Chúa-tể Thế-giới cứ xuống nói trước những việc hăm dọa năm và sau:

« Dân dân người trần càng sẽ quên linh-hồn mà chuyên-tâm đến các thú. Nhà-tâm-tế-đạo sẽ đổi-bại như chưa bao giờ thấy. Người đời sẽ giết như những ác-thú, khát máu của đồng-chúng. Hồi-giáo sẽ bị xóa mờ, còn các

Thông chế Retain đã nói:

Với nông dân, bản chức gea cầu rằng: khi nào đã đủ các thực phẩm cần thiết cho sự sinh song của nhân-rồi thì hãy đem dâng cho nhà-tể đến không hoa mấn đi nữa. Làm ra được để họ dùng. Và chức cũng kêu gọi họ đi làm ruộng. Luật đời theo pháp luật đời thời gian-không-khẩn này mà thiết lập nên.

tông đồ sẽ rơi vào vòng n Lèo d và chiến tranh liên-miền. Lợn chính-phục Hồi-giáo sẽ bị mất trời giáng nhưng sẽ không lên được hui lần; họ sẽ gặp cái tai-họa ghê-gớm nhất, rút lại sẽ bị các dân-tộc khác-một-thị. Ngồi bấu các vua, cả to cả nhỏ, sẽ đổ: một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám... Sẽ có một cuộc chiến-tranh kinh-khủng giữa các dân-tộc. Bề sẽ ngẫu đồ... mặt đất và đáy biển sẽ đầy xương... nhiều nước sẽ bị phân chia, có dân-tộc sẽ bị chết cả... lại thêm đói-bệnh tật, những vụ án chưa thấy luật nào bày đến mà thế-giới cũng chưa hề trông thấy. Bây giờ là thời-cơ của kẻ thù Thượng đế vẫn sáu triệu con người. Kể nào năm tay-dắt một người khác cũng chết. Nhưng kẻ bị bỏ quên, những kẻ bị ngược đãi sẽ đứng dậy và sẽ khiến cả thế-giới chú-ý đến. Sẽ có mây mù và dòng-tb. Có những ngọn núi trọc sẽ có rừng xanh-phủ kín. Quả đất sẽ rung chuyển... Hàng triệu người sẽ đổ cái đầy xích trong caph nô-lệ cùng những nỗi khauát-nhục để lấy cái đói, lấy nệm và cái chết. Các đường cũ sẽ đầy đầy những oán người đi từ nơi này sang nơi kia. Những đô-thị

to như: một nhất sẽ chết về lửa, một hai... Cha sẽ chết lại con anh em chống lẫn nhau mà chôn lại on gái. A-lập tội lỗi. Sự hủy hoại Thế xác và tinh thần sẽ tiếp sau... Các gia-dịch sẽ bị ta-na... Thế-ngiữ, ái-hyện sự hỷ-mã... Vạn người, chỉ một người song sót... mà người ấy sẽ trải-huống diện đại, kiệt sức, không biết xây lấy nhà mà ở hay kiếm ăn mà sống... Người ấy sẽ gặp như con chó sói đang hoang-người ấy sẽ ăn cả xác chết, cả người, thây đánh cả Thượng-đế... Tất cả quả đất sẽ trút rống. Thượng-đế cũng sẽ bỏ không nhìn nhận nữa. Trên mặt đất chỉ còn đêm tối và tối chết tràn lan. Bảy giờ sẽ sai một dân-tộc xuống; dân-tộc ấy hiện giờ chưa ai biết, nhưng họ sẽ thắng tay phò hộ sự diên-đ, các dân-lập vì như cũ đại, và sẽ diu dắt hết cả những kẻ còn trung thành với tinh thần của loài người vào một chổ-đi-tranh chống lại với sự ác. Trên mặt đất được tẩy sạch vì các nước đã chết, họ sẽ lập một cuộc sống mới. Đến năm thứ năm mươi, chỉ có bảy đại-cường-quốc xuất hiện thời để cùng nhau giao-hảo trong bảy mươi một năm. Thế rồi lại có mười tám năm chiến-tranh và tàn-phá. Khi ấy các dân-tộc Agharti sẽ chui ở các hang ra mà xuất hiện trên quả đất.

(Hết)

TAM GIÁC

1) Halyk... Tổng Mông-đô người là người họ xanh hay vàng da đen làm đồ tặng khách... nhiều người trên hay dâng các Lạt-ma, các thầy phật.

ĐẠI CHÚNG VĂN HỌC

KIỀU THANH QUẾ

Đại chúng là gồm tất cả hạng dân tầm-thường trong một nước.

Còn văn học? Gần đây, ông bạn Nguyễn Hưng Phấn có cho ra quyển *Tìm nghĩa văn học* đề đi lần tới một định nghĩa rõ rệt của hai chữ « văn học ». Ở đây, chúng tôi chỉ tìm cố định nghĩa nào của văn học hợp với cái tinh thần tại chúng của nó mà thôi. Theo Sainte Beuve: « Văn học gồm những tư tưởng tân khởi và những linh cảm sâu xa để dẫn đạo tâm lý loài người đến chỗ đồng tình với nhau và nhân đó thúc giục sự tiến bộ ». Nhưng theo Posnet, nhà văn học nước Anh hay xu hướng về đại chúng, thì « văn học là bao quát những tác phẩm về văn vần và văn xuôi; nếu mục đích là để xét lại việc xưa thì sao cho bằng để thấu thái kết quả của tư tưởng, nếu mục đích là để dạy dỗ thì sao cho bằng để ban cấp khoái lạc cho đa số quốc dân; hơn nữa để bài bác cả những trí thức đặc thù và bay tỏ những trí thức của đại chúng ».

Đại chúng văn học gồm mấy yếu tố: ca dao (1), thần thoại, truyện cổ tích, truyền thuyết, tiểu thuyết.

Thần thoại

Thần thoại là những chuyện hoang tưởng bịa đặt của riêng từng dân tộc, đại ra để khoe khoang lên sử nước mình cho thêm phần vẻ vang. Tỉ như chuyện bà Âu-cơ đẻ ra trăm trứng, chuyện con Rồng cháu

Tiên của dân ta, chuyện dân Nhật là con cháu Thái-dương thần nữ v... v...

Truyện cổ tích, Truyền thuyết

Truyền thuyết là những câu chuyện chỉ dựa vào đôi chút sự thực trong lịch sử, mà thêm dệt các bậc anh hùng dị nhân sao cho trở nên những nhạ vật có tánh cách thần bí siêu trần. Tỉ như chuyện Phù-dồng thiên vương, chuyện thần Kim-quì của ta, chuyện Hậu Nghệ ăn cắp thuốc trường sanh của Tàu v... v..

Truyện cổ tích là những câu chuyện ngụ ý về việc đời mà bịa đặt ra, cũng có tánh cách thần bí huyền ảo như truyền thuyết, nhưng nó đặc biệt ở chỗ bịa sao cho gây thơ, giản dị hợp với tâm hồn trẻ con. Như câu chuyện cổ tích của Perrault mà ông Nguyễn văn Vĩnh đã dịch và do Đắc-Lộ thư xữ tái bản gần đây. Ngoài ra, Âu châu còn có những truyện cổ tích của Anderson, của Grimm.

Dân A-rập có bộ *Nghìn lẻ một đêm*, một tập truyện hoang đường đã làm say mê cả thế giới.

Ấn-độ chép được hai quyển truyện thuyết là *Jatakas* và *Panchatantra*.

Cách nay 4600 năm, người Ai-cập đã tổ giá trị những truyện cổ tích truyền thuyết và đã ra công sưu tập.

Tài thánh Homère ở xứ Hy-lạp trong hầu hết tác phẩm mình đều lấy truyền thuyết làm đề.

Ở Tàu, Bồ-tông Linh góp nhặt những chuyện huyền hồ chép tập *Liêu-trai chí dị* làm say mê cả Đông phương và Tây phương.

Ở ta, ngoài mấy truyền thuyết — như chuyện thần Kim-Quì, Phù-dồng thiên vương — còn lắm chuyện hay tích lạ thấy chép trong *Nam hải dị nhân* của Phan Kế Bính, trong *Truyện cổ nước Nam* của Nguyễn văn Ngọc.

Cũng như ca dao, truyền thuyết và truyện cổ là những bài thơ không vần mà xứ nào cũng có.

Nhưng từ xứ nọ sang xứ kia, câu truyện phải thay theo từng chủng tộc mà thay đổi. Mà lạ thay! Nhờ để ý nhận xét, người ta thấy rằng một ít cốt truyện giống nhau trong khắp các nước hoàn cầu. Phải chăng đó là những chứng cứ biểu lộ sự hợp nhất của tâm trí nhân loại?

Nguyễn văn Vĩnh có lần diễn thuyết về truyện cổ, nói: « Người ta để ý nhận xét ở văn chương, ở những truyện cổ và những câu phong dao. Người ta đã tìm ra những cái nó chứng thực sự hợp nhất của tâm trí nhân loại. Câu truyện hoang đường Hy-lạp Cronos cũng có ở bên Úc châu, ở Phi châu. « Du địa phủ » là một đoạn lịch sử chung của nhiều nước. Nhiều truyện của Perrault, của Grimm cũng thấy kể ở Viễn-dông và ở những đảo miền nam Viễn-dông. Những truyện thần quái hình như là một trạng thái cần phải có và đâu đâu cũng có. Người ta ngờ là những lệ-luật nó cai quản tất cả những cái phát minh của trí tưởng tượng loài người ấy. Nói rõ những lệ-luật đó là công việc của tương lai. »

(1) Xem bài « Ca dao một gấc tổ của đại chúng văn học » đã đăng *Tri Tân*.

Giải tỏ chỗ giống nhau này của các truyện hoang đường, tác giả « *Quyển sách của bạn tôi* » (*Le livre de mon ami*), Anatole France có một luận điệu khác.

Theo A. France, truyện cổ, truyền thuyết là những bài hát hay bài thơ tả cảnh thiên nhiên, tả sức mạnh của tạo-vật, sự tuần hoàn của trời đất.

Mặt trời mặt trăng là hai hiện tượng bốn mùa được thể hiện ca tụng.

Từ một xứ ở miền cực Bắc giá lạnh đến một xứ thơ mộng như thành Venise nước Ý, một truyện đề than thở cảnh ảm đạm của mùa đông và đề ca tụng ánh sáng tươi mát của mùa xuân mới chớm bao giờ cũng có.

Nàng công-chúa đẹp ngủ trong rừng mơ trăm năm là một truyện của nhà thi nhân (ở đây tức là Perrault) dùng đề diễn đạt một cách hoa mỹ, đề tượng-trưng lễ sinh hoạt ngừng trệ của vạn vật trong khoảng ba tháng mười ngày giá rét của tiết đông thiên.

Hết trăm ngày giá rét, khi ấm của mùa xuân tốt tươi trên muôn cảnh lá biếc — như ông hoàng trẻ tuổi trong truyện kia — lại trở về đánh thức vạn vật.

Cơn yêu râu xanh dữ tợn, theo ý A. France, chính là mặt trời, mặt trời chói lọi ở giữa vòm không xanh ngắt. Theo kiến giải của tiên sanh, mặt trời giết chết bảy ngày của tuần lễ, cũng như cơn yêu râu xanh giết chết bảy vợ (xem truyện *con yêu râu xanh* của Perrault). Người vợ thứ bảy sắp chết đứng bên cửa sổ kêu hai anh lại cứu, chính là gọi *phình minh* và *hoàng hôn* đến.

Trong truyện « cô bé quàng

khăn đỏ », trí tưởng tượng của A. France ví mặt trời với con chó sói. Khi ngày mới bắt đầu bình minh mặt đỏ và êm dịu vừa lộ dạng, cô bé quàng khăn đỏ ngay thơ liến thoắng chạy đi thăm bà. Giữa đường cô gặp chó sói. Tình thiết cô thuật hết mọi việc với sói. Sói chạy trước đến nhà bà của cô ta, ăn thịt bà cụ, rồi lên giường nằm đắp chăn đợi cô bé. Chẳng mấy lúc cô bé đến nạp mạng. Cô bé đi vào miệng sói, theo A. France, là đi vào cái ánh sáng chói người kia. (2)

Theo những giải thuyết trên của A. France, ông Nguyễn Trọng Ngọc đã đem câu truyện hoang đường Thần Kim-quỷ của ta và truyện Hằng-nga nhập cung của Tàu dẫn giải trong một số báo *Tinh Hoa* năm xưa.

Ông Ngọc viết : « Vua Trục An-đương vương khi đã lấy được nước Nam có ý xây thành đồ làm vững sự nghiệp. Thành vua đắp bằng đất, gặp phải lúc trái thời, mưa lâm tã hết ngày ấy sang ngày khác, đất đắp lên bao nhiêu, trôi bấy nhiêu cả. Sau vua phải bày đàn cầu đảo, thì chẳng bao lâu mặt trời đỏ chói, thần Kim Qui hiện lên làm khỏ rào đồng ruộng, công việc xây thành mới xong. Cái lấy nỏ thần Kim Qui cho nhà vua chính là thành Cổ Loa. Nhờ có thành trí kiên cố, nhờ tiết trời mưa thuận gió hòa, dân giàu nước thịnh, vua tôi nhà Trục đâm ra trễ nải việc triều chính. Triệu Đà dò biết tình hình như thế, sai con sang ở rể mà xem xét đường đi lợi lại ở trong thành ; Mỵ Châu đã vô tình giúp chồng trong công việc do thám này.

« Lúa thua trận Mỵ Châu ngồi sâu lưng cha, rắc lông ngỗng dờ chủ đường cho Trọng Thủy, vô ý nàng đã giúp quân Triệu đã biết lối mà đuổi An-đương vương Bối thổ, khi thần Kim Qui lại hiện lên, lúc mặt trời buổi sáng lộ mình ở biển đông, vua Trục nhận được việc con làm, giận mà tuốt gươm chém.

« Trước sáu mặt trời đã giúp vua Trục xây thành và nhìn thấy lông ngỗng của con gái rắc. Ngươi xưa vì hay tôn thờ những sức mạnh thiên nhiên đã họa mỹ mà gọi mặt trời là thần Rùa Vàng.

« Ở truyện Hằng Nga thì lại khác, mặt trời không phải là một con vật lửa mà là một người, chàng Hậu Nghệ đổ mặt. Thuộc trường sanh của chàng là ánh sáng, ánh sáng cần dùng cho sự sống của muôn loài. Không có ánh sáng, các tinh cầu sẽ lạnh dần ; không một cây cối, không một thú vật gì có thể sống nổi trong một trái đất tối tăm giá lạnh. Mặt trăng ăn cắp ánh sáng ấy rồi chiếu xuống trần.

Hậu Nghệ giận vợ, ngày ngày cứ lúc tang täng sáng lại dưng cung ném những tia lửa về phía mặt trăng, trông tựa tựa như những mũi tên vàng ».

Tiểu thuyết của đại chúng

Tiểu thuyết ngày nay cũng nằm trong văn học đại chúng. Tiểu thuyết của đại chúng không thiên trọng về lối phổ diễn cầu kỳ. Tánh chất, giá trị của nó là giản dị, đẹp và thật : dùng rất ít lời văn mà tả nên bức tranh sinh hoạt đầy thi vị. Đó là yếu tố của đại chúng văn học.

(Xem tiếp trang 16)

(2) Tìm xem những kiến giải này của A. France ở những trang chót quyển *Le livre de mon ami*.

Hội Khuyến học Cấp-thơ

GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG THỦ KHOA NGHĨA

Nguyễn Văn Kiệt, chủ tịch ủy ban văn chương của hội K. H. C. T.

(Tiếp theo và hết)

Sau khi xem qua cả quyển, từ loại văn-thơ cổ điển, lấy đến loại nghị-luận hiện-cửu, chúng tôi thấy ở sự hạ quyển đời hơn hết về nội dung và hình thức quyển « Đồng quê » do tác giả Phi-Vân được giải nhì và quyển « Truyền năm người thanh niên » của ông Nguyễn Ngọc Tấn được giải nhì. « Đồng quê » là một tập phóng-sự về cuộc sống ở đồng quê Nam-kỳ, nơi là miền Bạc Liêu, Cà Mau, vùng có uyển rất lý thú và mới mẻ, khác với nhiều tập phóng sự thường vì tác giả trình bày theo lối đoán-thiền của thuyết. Sách chia ra vài phần; phần thứ nhất gồm nhiều chuyện ngắn, mỗi chuyện có nhân vật riêng hoạt động trong một khuôn cảnh đặc biệt. Tất cả chuyện kết lại là ảnh hưởng những trạng thái biến đổi của cuộc sinh-hoạt làng ngày ở đồng quê.

(... lược...)

Phần thứ nhì trong quyển « Đồng quê » lại càng đặc sắc hơn nữa. Tác giả kể về một nhân vật, chính là anh tôi anh cáh chúng của một người thanh Việt-nam và cách cách riêng của một chàng trẻ tuổi ở miền đồng ruộng Nam-kỳ.

(... lược...)

Chỗ hứng thú của quyển phóng sự này, là nó cho ta thấy những phong tục và kỹ ở thôn quê, những tin-tưởng dị-đoan của hạng bình dân lao động. Nó cho ta

thấy những cuộc giao-tiếp, xung đột giữa hồn nhiên, phũ và dã-diễn những tâm hồn mộc mạc trong lòng này và những cái quyền lực của họ kia. Đọc qua chúng ta như thấy mình lên-lội chốn đồng quê, đang mục kích những cuộc tụ họp chơi bời, những cảnh cần-lao rộn rịp. Thành-thoảng như đưa lại phong hồ trầm bổng trong đêm gặt như phất lại mùi thơm lúa chín của lúa vàng... — Tác giả lại còn dẫn ta đi quanh co trong những sông rạch ở vùng Bạc Liêu, Cà Mau, và sau mấy ngày dạo chơi một buổi, tác giả dừng lại cho ta thấy một cảnh sắc êm-dềm trên bờ sông Trẹm lững-lờ mấy làn khói trắng bốc lên; và dưới hàng dừa xanh tươi một thiếu phụ âm thầm đứng đợi chồng về, lâu lâu cúi bầy gà đang bới trên giồng rau cải. Hoặc giữa đêm trường vắng vẻ, chiếc thuyền xuôi mái theo rạch Bần, tác giả mời ta trông lên bờ sau hàng dừa nước âm-u, một vài ánh đèn lơ-lửng; hoặc từ xa đưa lại tiếng chày giã gạo, tiếng chó sủa đều... —

Cho được kể lại rất tài tình những điều quan sát rất kỹ-càng, tâm cho ta như nghe, như thấy, lúc cảm, lúc vui, tất phải nhờ một ngôn bút li-mi mà linh-hoạt, một giọng văn thanh-thật mà hữu duyên, một cách viết tự-nhiên, không rườm-rà mà đầy đủ. Ông Phi-Vân đã gồm cả mấy điều-niệm

ấy: Quyển phóng sự của ông như một làn-tuồng gay-cấn đặt trong cảnh-trí xanh tươi; hay là — muốn nói cho rõ hơn — nó là một « đồng kích » chia ra nhiều lớp: có hồi-bộ, có vui-cười và sau rồi kết cục rất thương-tâm, khiến cho độc-giả phải ngậm ngùi tâm động.

Đó lẽ đó là bài toán-lý sâu sắc mà tác giả không muốn chỉ cho ta rằng, để ta tự hiểu ngấm mà thương hại cho hạng nông dân lao lực. Họ sống một cuộc đời mộc mạc, siêng năng; nhưng mãi kiếp phải làm nạn nhân cho bọn giàu sang thế lực. Là cả thấy chúng ta theo như tác giả — nói lại là « nạn nhân của một thời kỳ »; cho nên đối với mọi người ta nên để lòng thương hại và thử dùng, và nên cầu nguyện cho chốn đồng quê được chút vui tươi yên ổn.

Với quyển « Truyền năm người thanh niên » của ông Nguyễn- ngọc-Tân, chúng ta đã từ giả chốn đồng quê mà trở về nơi xã-hội thực-tại. Tác giả tưởng tượng ra năm người trai trẻ viết thơ cho nhau mà tỏ những tâm tình tư tưởng của mình đối với đời, đối với xã-hội. Năm người ấy, vào độ 24, 25 tuổi, có thể đại diện cho hạng thanh niên tân học Việt-nam. Mỗi người có một quan-niệm riêng và sống một cuộc đời khác.

(... lược...)

Đại chúng văn học

(Tiếp theo trang 13)

Tiêu thuyết của đại chúng không
vị nghệ thuật mà vị nhân sinh.

Vị nghệ thuật là chủ trọng ở
lời văn ;

Vị nhân sinh là chủ trọng ở
hình thức.

Đại chúng là hạng người lao
khổ, cả ngày vất vả với sống còn.
Một khi được thảnh thơi mới đến
quyền tiêu-thuật; họ không cần gì
lên được lên trong ấy một vài
hứng thú, để qua những giờ nhàn
rỗi vô vị.

Tiêu thuyết của đại chúng hiện
có mấy loại :

- 1) Trích thám tiêu thuyết
- 2) Lịch sử tiêu thuyết
- 3) Võ hiệp tiêu thuyết
- 4) Diễm tình tiêu thuyết
- 5) Phiêu lưu tiêu thuyết
- 6) Giá dư tiêu thuyết
- 7) Xã hội tiêu thuyết

Ở các nước Âu Mỹ nhất là ở
Anh các loại tiêu thuyết kể
trên đều có đủ trong đại chúng.
Nước ta chưa có đủ; hiện còn
thiếu hai là phiêu lưu và giáo
dục tiêu thuyết chưa được phát
triển cho lắm (Mẫu hồ cứu cần
phải dịch thuật thêm của ngoại
quốc).

Còn về loại trích thám, ta đã
có những tiểu thuyết của Thế Lữ
Phạm Cao Cường; loại võ hiệp,
những tiểu thuyết của Tú Đức;
loại lịch sử những tiểu thuyết của
Nguyễn - triệu - Luật, Phan - trần -
Chức, Chu Thận, Lan Khai; loại
diễm tình, những tiểu thuyết của
Sông An, Khái Hưng, Nhật Linh;
lại xã hội; những tiểu thuyết của
Vũ Trọng Phụng, Lê án Trương..

KIỀU THANH QUÊ

Đầu tháng April sẽ có :

QUANG TRUNG tập II

đầy hơn 300 trang và nhiều
tranh phụ đề, giá \$ \$ 00

Viết thơ cho : **TRỊ VĨNH NHƯ LƯU**
121 Chan ean e Hanoi

HỘI NGHỊ GIÁO KHOA TOÀN QUỐC

do Hội Truyền-Bá Quốc-Ngữ tổ-chức tại Hà-Thành

L.T.S. - Chúng tôi nhận được tờ đặt sau này nhờ đăng
xin vui lòng cho in nguyên văn

Theo đuổi công-cuộc chống
nạn thất-học, từ ngày Hội
Truyền Bá Quốc-Ngữ thành lập
tới nay, đã được sáu năm. Hội
chưa hề chệnh-mãng một phút
nào; Hội Bắc-Kỳ đã mở được
20 chi-nhánh, Hội Trung Kỳ đã
làm được nhiều kết-quả tốt-
đẹp. Ở Nam-Kỳ Ai-lao và Cao-
Mên, anh em đồng-chí sốt-sắng
đối với những đồng-bào thất-
học cũng đứng lên mở lớp học
cho người nghèo. Số người
cứu thoát nạn thất học ở Bắc-
Kỳ có trên 5 vạn.

Số 5 vạn ấy so với số người
thất học chưa thấm vào đâu.
Nhưng nếu kể những bước trở
ngại ban đầu, những sự khó-
khăn phải vượt luôn luôn thì
sự thành-công trong bước đầu
của Hội thực đáng chú ý và là
một triệu-chứng đáng mừng
cho tiền đồ nước ta.

Cơ-sở của Hội nay đã tạm
vững, tôn-chỉ mỗi ngày một rõ-
rệt, thanh-niên tham dự mỗi ngày
một nhiều, Chính phủ cũng
đặc biệt để ý đến phong-trào;
mới đây quan Tổng-sứ Bắc-
Kỳ lại thông-tư cho các quan
địa phương nên giúp đỡ Hội về
mọi phương-diện trong việc
chống nạn thất-học.

Sự ủng-hộ nhiệt liệt của
quốc-dân, sự ủng-hộ của Chính-
phủ càng khích-lệ các chiến-sĩ
chống nạn thất-học và thôi-
thúc Hội nhân tình-thế hiện-thời,
ấn-định một chương-trình
hành động mới để bài trừ nạn
thất học trong một thời-gian
ngắn-ngắn.

Cũng vì thế mà nhân dịp
kỷ-niệm đệ lục chu-niên Hội,

ban Trung-ương Hội Bắc-Kỳ
sẽ tổ chức tại Hội-quán Hội
Vận-dong Việt-Nam (Cercle
Sportif Annamite) ở Phố Charles
Coulrier, Hà-nội, vào hai ngày
29 và 30 juillet sắp tới, một
**HỘI-NGHỊ GIÁO KHOA TOÀN-
QUỐC** có mời đủ các nơi về
hợp đề thắt chặt giấy liên-kết
thân ái và trao đổi những kinh-
nghiệm và sáng-kiến về cách
tổ chức, và phép sư-phạm.

Đó là một tin mừng cho hết
thầy người Nam hằng ao-ước
giữa các đồng-chí khắp ba kỳ
có một tinh-thần đăm-thăm và
một sự hoạt-dộng quy-cử và
đuy-nhất để những sự nỗ lực
và sự hi-sinh được thêm hiệu-
quả.

Chắc rằng các giáo-viên lượng
hết tinh-cách quan-trọng của
Hội-Nghị sẽ tới dự rõ đông,
mặc dầu bao mỗi khó khăn
trong sự đi-lại hiện thời.

Hội-Nghị Giáo-khoa, sau cuộc
thảo luận của các chiến-sĩ bốn
phương đầy nhiệt huyết, giữa
kinh-nghiệm sẽ là chấm hết một
cuộc thử sức ban đầu và là
mở mào cho một giai-đoạn có
thống-hệ hơn và có một sức
liên-mạnh-mẽ hơn.

2e édition :

**Cent Rédactions corrigées
au Certificat d'études**

pour Travaux-Cor et Ng hay Hoàng
Instituteurs

Œuvrage adoptée par la commission
des manuels scolaires de l'Indochine
Prix 2\$00 - Port recommandé 0\$32

Librairie Đông-Tây,
195 rue de Colón HANOI

Một quyển sử mới...

(Tiếp theo trang 9)

Nhưng Văn mới không dẫn một chữ nào, hoặc một câu nào gọi là « ý kiến riêng ». Thế mà xưa nay Văn mới vẫn nêu lên là theo « phương pháp khoa-học »! Đã khoa-học thì phải dẫn chứng. Văn mới không dẫn được, nên đến câu dưới, phải nói lấp lửng tôi « mê tín (?) các tờ a, tờ b, của thư-viện trường Báo-cổ... »! Nếu « mê tín » thì sao lại gọi là « ý kiến riêng »? Có phải là trái nhau không? Mà lộ ra rằng Văn mới chưa biết cách làm sử?... Làm sử tất phải kê-cứu. Kê-cứu tất phải tìm sách. Tìm được sách đích-dáng, tất phải dẫn cho rõ-ràng, để có ai ngờ đâu gì xét lại được ngay. Thế là khoa-học, chứ không phải « mê-tín ». Mà dù có theo ý riêng, cũng không phải là mê-tín, vì đã mê-tín thì không thể theo ý riêng được... Mới đồng trên đồng dưới mà đã trái nhau đến thế!

Lại nhận sách mình là « tài liệu mảnh vụn »!... Cái đó không lấy gì làm lạ. Văn mới vẫn có lối « ăn cháo ... » như thế; Đến bài Ông nghệ triều Lê, — hết dẫn, — đến « mượn » — đủ cách — thối mà rồi lại bảo là... « không ích gì »! Huống - chi tài-liệu của người nhà: Văn mới còn cho là « mảnh vụn »; chứ của người ngoài, thì tội để đâu!

Văn mới lại bịa ra rằng « không bao giờ » tôi « nói đến những cái hay, cái đẹp (l) cái đặc sắc của quyển sách » tôi phê-bình. Thế sao Văn mới lại lấy một câu phê-bình của tôi làm quảng-cáo ở

số 13-14, ngày 25 6 1943, dưới quyền Đời sống lại có? Câu ấy phê bình quyển Gốc tích loài người của Văn mới như thế này: « Văn viết rõ-ràng và dẫn đi, thật là bổ ích và hợp thời ». Có phải thế là lối « ăn cháo ... » không? Thế mới biết lối « ăn cháo », thì thế nào cũng có chỗ « giấu dằm hở đuôi »!

Đọc nốt câu này lại càng rõ. Văn mới nói tôi « chỉ nêu ra những cái hỏng, cái dở dề cĩnh lại ». Thế là nhận rằng « cái hỏng » có « dở », thì người ta mới « chỉnh » được. Đã vậy, sao lại còn hỏi « lối phê-bình ấy có giá trị gì không »? Có phải là trái với câu trên không?... Phạm đã cầm bút làm sách viết báo, thì phải biết rằng: ở đâu cũng vậy, đối với ai cũng vậy, nếu thấy người ta làm lỗi, mà mình bảo để cho người ta sửa lại thì mình giúp ích cho người ta, mà lời nói của mình rất có « giá-ti »! Huống chi việc nhà phê bình là phải nói rõ những điều sai đến lầm, để cho người làm sách chữa lại, và để cho người đọc sách khỏi nhầm lẫn.

Văn mới lại hỏi « lối phê bình ấy có lợi gì cho sự tiến triển của tư tưởng và văn chương Việt-nam ta lúc này không? » Độc-giả Tri-tân đã trả lời bộ tôi từ lâu rồi. Như-giáo sư M.v.P. viết thư cho tôi ngày-9 6-1942 đề cảm ơn đã chỉ chỗ nhầm và nhờ tôi chỉ nốt đề in lại cuốn sử Nam. Thật là người phục thiện đáng kính, vì làm sách cốt tìm sự thực, chứ không phải lợi. Lại như nhà xuất bản C.L. viết giấy cho tôi từ hồi năm ngoái đề in lại các bài phê bình trong

Tri-tân; tôi còn ngần ngại, thì mới đây lại đến tận Báo-cổ giúp tôi cho in thành sách. Ấy thế mà chính nhà C.L. ấy đã xuất bản một quyển mà tôi đã phê bình ở đây... Thiết-tưởng nếu không lẽ gì, thì không ai viết giấy như thế. Tôi còn giữ hơn một trăm bức thư của độc-giả, phần nhiều cảm ơn đã cho biết chỗ sai lầm, và hỏi tôi sao không phê-bình quyển họ quyển kia, để độc-giả xem có ích gì không.

Như thế, dù biết « lối phê bình » của tôi « giá trị » và « lợi ích » thế nào. Nhặt tí ở lại biết cả lối... « tập tữ » của Văn mới nữa!

Nếu Văn mới cứ dùng lối ấy để làm xấu chữ « Tân van hóa », thì còn phải « phê-bình » nghiêm-khắc » để cho Văn mới (Hàn Thuyên) tỉnh ngộ dần.

Ung-học NGUYỄN-VĂN-TỖ

Đã có sẵn:

MỘT MỐI TÌNH

Của cụ Phạm-Huy Toại

Giá 3\$ 10

Cuốn Một mối tình của cụ Phạm-Huy Toại, nguyên Bộ-Chánh-厅 Sơn-tây. Phần thứ nhất là văn trước-thời của cụ, lời văn uyên-chuyển, lưu loát, ý văn thâm-thúy, thanh - cao. Phần thứ hai gồm có những bài dịch nhược ông văn thiên thu bất-hủ, trong văn-học-sử Trung-quốc, như Quy-khử-lai-tử của Đào-thiền, Tiền-Xích-Bích-Phủ của Đỗ-Đông-Pha, văn văn, có in cả chữ nho, và dịch ra thơ năm.

Một mối tình là một cuốn văn kiệt-tác, rất hiếm có trong văn-học-giới thời nay.

BẦY BÔNG LÚA LÉP

Tức Hoa Mai số 40

của Nam Cao Giá 0\$50

HƯNG ĐẠO-VƯƠNG

Tức Hoa-Mai số 41

của Tiểu-Lang Giá 0\$50

Nhà xuất bản Cộng Lực

Nº 8 Rue Rakou Hanoi

Bản góp về nguồn gốc tiếng Việt-nam

(Tiếp theo trang 7)

niô c: chữ lệ lên có là
biết, lay là miết, niết)

M = D như

miu, qđ = đũa (phương
điện)

miu, qđ = nĩa, (q đũa
dũa)

nhũg, qđ = danh

pi b = đánh, (chữ
danh ở đầu đầu có người đọc
là n'nh)

D = R = G. — Người Bắc
bấy x năm D với R và G

G = K cũ :

g a = ká

g a m = kám qđ

= kén

giân = kân qđ

= kén, kén

chọn

K = ch như :

kê (lá gá) = chí, bk

Và K chữ nh, phần nh
đôi ra là Ch lá: kimh.

Ch = Tr. — Hai vần này ta
thường lẫn với nhau.

Tr = T. — Con trâu tưng buộ
cây te tự là câu ngoài Bắc
thường nói để chế nhạo những
người lẫn Tr với T.

T = D như những chữ vần T quảng,
đông đôi ra vần D việt-nam
fai là đại, lố là đa, tần là đan,
vân vân ...

D = đ như đ, đ, đ = đũa, đ, đ, đ =
niều; như tôi đã nói trong
một bài trước.

đ = L như đ, đ = lam. Hai vần
pây có lẫn lẫn với nhau.

N = Nh như :

nam (5) = năm

nersu, nh = nhiệt

N ppon = nhát-bản

líp, qđ = nhớt

Nu = Ng. — Và việt-dã u thành ra

Ng quảng-đông : nhàn-sân là
ngăn sặc, long-nhân là long-
ngân, vân vân ...

K = G. — Chữ nh, nh, K (K hay
L) dân-hóa ra tiếng nh, nh
nhiều từ ảnh xạ vào G, như kê
lá gá, cân là gán, càn là gán
vân vân ... Trong cuốn Việt-
nam tự-diện lợi Khai-ai vần
G là vần (u, ê) gồm có hơn
210 chữ, hơn 50 tiếng ở chữ
nh, nh, K chữ nh gần 30 chữ,
còn 20 chữ kia là những
chữ H, K và G.

L = S nh

lên = sen

líp = sắp

líp, qđ = sáu

líp, qđ = sáu

líp, qđ = sáu (đạo sáu)

S = Th. — S quảng-đông là Th
viết-nam : sản th, th là thân-

th, sản th là thân-th, thân-

M = V — M quảng-đông là V việt-
nam : mấn-miến là vắn-miến,
học-mả là học-vắn, thau-
mầu là hẩu-vũ, mầu-mi là
vũ-vi.

V = H. — V tiếng nh là V quảng-
đông hay là H chữ nh, như :

h = hui = hồi

vê = wa = học

và = wa = tọa (họa
phủ.)

vàng = wong = hoàng

H = Ph. — H chữ nh là Ph, nh

F quảng-đông : hỏ là fỏ,

hoang là fang, hỏ là fỏ.

Kh = H. — Kh chữ nh là H
quảng-đông : khát một học
không-khí là húng-hi, khát dĩ là
hổ-y, v.v.

Theo phép số học mà sơ sánh
từ trên trở xuống, ta nhận
thấy rằng bất-cứ một phạm-
vi nào cũng có thể biến hóa ra
hết-thảy các phạm-vi khác được
cả.

Đã có bán

Làm bếp giỏi

của Bà T. M. D. A. I.

— Có một nghìn mẩu ăn khác
nhau và nhiều thực đơn thay đổi

— Được đặc quyền in bằng giấy tấy.
Sách in có hạn. Ai mua gửi tiền trước.

Giá sách \$50 — Cước \$20

Tất cả mandal xin gửi gởi :

Bà, Đ. M. M. M.

118 Phố Dapillier - Hanoi

Đẹp trên này, người (bàn về chữ cái) Muốn được nhiều tài liệu này, không gì bằng ta xem qua sách quyển này về tiếng nhất tiếng quảng đông, tiếng bắc-kinh. Ví dụ :

Một âm Kê (nhất âm dài), đọc ra chữ nhỏ thành ra: hành, hiên, căng, Hạng, cao, giáo, xảo, kháo, Bgah, canh, giăng, hảo, hương, trường, ngang, giảo, hoảng, cộng, hầu, hổng, kị, hường, v.v.

Một âm shu (t) bắc-kinh đọc ra giọng việt-nam, thành ra sáu chữ khác nhau: sự, sự, thể, thể, thỉ, thỉ.

Một âm ý quảng đông đọc ra chữ nhỏ thành ra bốn chữ: dĩ, hĩ, nhĩ, ngĩ.

Vậy bảo một ở chữ nhất, hai ở chữ nhì, cả ở chữ ngữ, côm ở chữ phan, v.v. tất đã vô lý. Hoặc có người bảo như thế thì dụ trên này một phần lớn thuộc về tiếng ngoại-quốc. người Việt-nam là có dấu nói chạnh ra, đến thế được. Nói vậy, chưa chắc đã là chân lý. Giới sinh ra người ta, các bộ phận tư tưởng không khác nhau mấy. Cái quảng-hong, cái

lỗi đàng để nói nó vẫn như nhau cho nên một từ trẻ con Việt-nam để ở bên Tàu sinh ra ở bên Tàu nói tiếng Tàu tất nhiên giống hệt như người Tàu. với trái là người Quảng - đông người Bắc - kinh sinh trưởng ở bên ta cũng vậy. Một chữ có nghĩa là người Kị ách nói văn Đ ra L, ta cũng nói Đ ra L: đàn bà là liên bà, lên bà, người Nhật đọc chữ đầy chữ đồ là Z, Việt-nam ta cũng đọc chữ haudiere là súp xe, nghĩa là cũng đọc chữ đ ra ckh.

Nếu vậy thế hết thấy tiếng việt nam bây giờ là ở chữ như tiếng khách hay sao? Người Giao-chỉ ngày trước không kém cỏi đến nỗi không biết cả. la-hỏi, đại sắc, là những công việc rất tầm-thường của nhà-loại.

Độc giả tức minh củ ng pl ai?

(Còn nữa)

ĐÀO TRỌNG ĐU

(t) Dấu quốc ngữ dùng vào giọng quảng đông, giọng bắc-kinh không được đúng lắm. Xin độc giả lượng cho!

Đính chính

T.T. số 150, trang 8, cột 3, dòng 35: Lữ trung tạp báo, đọc là Lữ trung tạp báo; trang 13, cột 3, dòng 6: Lã Văn Lợi, đọc là Lã Vinh Lợi.

Giới thiệu

Tri Tân vừa nhận được:

1. Phạm Quỳnh: Thượng nghị văn tập (III) - Alexandre de Rhodes xuất bản giá \$500

2. Đặng Thái Mai: Văn học khái luận - Hàn Uyển xuất bản giá \$400

3. Mgr Droplet: A l'oeuvre VI của xuất bản

4. Lữ Giang: Luận lý du thuyết yếu nhất: Quốc học thư xã xuất bản giá \$380

5. Nguyễn Đức Chính: Thơ "Người ở phương" xuất bản giá \$350

6. Nguyễn Đức Chính: Thơ "Người ở bốn phương" xuất bản giá \$350

7. Tư Cương: Tarzan người ki - Người ở bốn phương xuất bản giá \$325

Vin giới thiệu với các bạn đọc các sách trên là cảm ơn các nhà xuất bản.

TRI TÂN

Đã có bán

THƠ ĐỎ PHÚ

Một trong lục tài của Tể Bân dịch của NHƯỢNG TÔNG

Một tập thơ vĩ đại - dày 400 trang - gồm 332 bài đầu tiên, là các về 1240: những bài hay nhất trong 1.405 bài của thi sĩ, một tập thơ - tài về thơ cổ điển những của nước Tàu cổ đại. Là của cả thế giới của cả nhân loại.

Giá 1\$50

ở Hà Nội, sách đã bán tại

TÂN VIỆT - 29 Lamblot - Hà Nội

Trong Sử Nam...

(Tiếp theo trang 5)

về Lôi Tuyên tông, ngang bên ta là vua Lê-Lợi) đến gần bốn trăm năm, và lại người Tàu chép việc nước ta thì không lấy gì làm đúng cho lắm. Nay thử đem đoạn sách Tàu có chép chuyện Lê-Thiện, so với mấy quyển sử ta thì thấy khác nhau, quyển sử Tàu là quyển *Lịch-dại thông-giám tập-lãm* (q 103, tờ 6 b và 7 a) chép rằng : « Tháng 11 năm Tuyên-dức thứ 1 nhà Minh (1426, q ân Vương Thông đến Giao-chi, gặp gỡ ở Ứng-binh, bị thua; tam tán ti trọng thư là Trần-Hạp bị chết. Khi Vương Thông chưa đến; ở Giao-chi có em Lê-Lợi là Thiện đánh phủ Giao-châu, do đó là Trần-Tuấn đánh đuổi được; tham-tướng là Mã-Anh phá giặc ở Thanh-oai, đến Thanh-thất gặp q ân Vương-Thông đến, bên hợp nhau lại. Đến đóng ở Ninh-Kiều thuộc về Ứng-binh, các tướng đều nói đất hiểm trở, sợ có phục binh, nên cho quân đi dò la trước. Thông không nghe, cho quân sang dò ngang, người ngựa bị xa lầy, bị ông thành hàng ngũ, quân phục 4 bên nổi dậy, quân Vương-Thông tự nhiên vỡ, bị chết đến 2, 3 vạn, Thông chạy thoát, thượng-thư Trần-Hạp bị ngựa xa lầy, tá hưu định đỡ Hạp dậy, Hạp mắng rằng : Ta là đại-lão trong nước, ta nợ nước, chính ở lúc này. Hạp mùa giao chém được vài người của giặc, rồi tự vẫn chết... »

Sử ta chép rằng : « Tháng 10 nam Bình-ngọ (1426) tức là nam thứ 9 của Bình-dinh-Vương Lê-Lợi, vua nhà Minh sai tông binh là Vương-Thông, tham-tán là

thượng-thư Trần-Hạp, tham-tướng là Mã-Anh đem năm vạn quân và năm nghìn quân Ky lại cứu, đến Đông-dông. Vương-Thông mới đến thấy còn hàng bãi, đem tất cả 10 vạn quân và bọn Trần-Hạp, Sơn-Thọ, Mã Kỳ, Lý-An, Phương-chính, Trần-Trí, chia ra làm ba đạo rẽ thành, đánh Lê-Thiện, Lê-Bi ở bên dò Cồ-sở, Triệu cáo cấp với Lê-Lễ, Lê Xí; Bọn Lê Lễ ở Thanh-dâm lại cứu, hợp mưu dụ giặc rồi cố sức đánh, phá được quân Vương-Thông ở Ninh-Kiều, chém Trần-Hạp và Lý-Lượng và năm vạn quân chết đuối rất nhiều... Vương Thông được sống sót » (*Dại-Việt thông-sử*, q. 1 tờ 24 a) Thế là sử ta với sử Tàu chép tên đất có chỗ khác nhau, như sử ta chép bên dò Cồ-sở tức là bên dò Phường, thuộc huyện Thạch-thất, mà sử Tàu chép là Thạch-thất tên đất khác nhau, chắc tên người cũng có chỗ khác nhau : xem sử ta đoạn này thì có ông Lê-Thiện và ông Lê-Bi bị thua ở Cồ-sở, so với quyển *Thông-giám tập-lãm* thì có lẽ là Lê-Thiện mà chép nhầm là Lê-Thiện chăng cũng như chữ Thanh-oai, quyển ấy viết chữ Thanh thừa ba chữ thúy, và chữ Ứng-binh ở quyển ấy, sử ta chép là Ứng-thiên, đều là hơi giống, chứ không thật đúng, vì thế mới có cái lý Lê-Thiện ra Lê-Thiện Chính một, quyển sử Tàu nữa là *Minh-sử* (q 9, tờ 3a) cũng chép việc ấy mà không chép tên nào là Lê-Thiện.

Xét rộng ra đến quyển *Nhân-vật tỉnh-thị-khảo* nước ta về đầu triều Lê không có người nào tên là Lê-Thiện cả.

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

...bộ Việt-sử hoàn toàn

(Tiếp theo trang 2)

để bổ túc cho đoạn Lê-sử của ta nữa.

Ngoài những tài-liệu trong sử sách, ta còn phải khảo cả ở bia đá đời Lê và những di-tích ở Lam sơn.

Ngoài những võ công binh Minh ghi chép trên giấy, ta còn cần phải biết đến những binh khí, nhữg chiến cụ ở đương thời.

Ngoài những hiến chương pháp độ của triều khai sáng ấy, ta còn cần phải biết về mặt văn-hội, về mặt kinh-tế, về mặt mỹ-thuật, v.v. Bấy giờ dân-chúng sinh-hoạt thế nào, khí-dụng thế nào, tiền-tệ thế nào, những nghề kiến-trúc, điêu-khắc thế nào... Đó đều là những đối-tượng cần phải nghiên cứu cả.

Vậy xin hỏi : một người suốt đời thử chỉ chuyên khảo về một thời-dại Lê sơ ấy phỏng đã làm được hết việc chưa?

Một triều để làm như triều Lê Thái-tổ ấy, vậy mà còn phải dụng công đến thế thay, huống chi những triều-dại bị xóa nhòa như Tây-sơn chẳng hạn, thì công tìm-tìm khảo cứu còn phải khó-khăn vất-va đến ngần nào.

Vậy muốn có kết-quả tốt trên đường sử học, thiết tưởng chúng ta ngày nay cần phải chia ngay từng thời-dại mà làm dần đi.

Ôm-đồm chỉ tỏ hỏng việc.

Không chuyên-môn : lại càng thất sách. HOA-BÀNG

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

Tài-liệu để đính chính những bài văn cổ

Số 59

Ứng-hóa NGUYỄN-VĂN-TỐ**CXXXV — Kim Vân Kiều.**
(bài nối)

Bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh (1920, trang 98, và 1943, tr. 363) và kinh bản của cụ Kiều-oánh-Mậu (Hoàn trường lần thanh, tờ 37 b) viết câu 1467 và 1468 là: « Bay hàng cồ vũ xôn-xao, Song-song đưa tới trước đảo sánh đôi ». Phương-bản của Quan-văn-đường (tờ 46 b), Vương Kim diễn tự (tờ 42 b) viết là: « Bay hàng cồ vũ xôn-xao ». Kim Vân Kiều chú (tờ 26 a) cũng viết chữ « cồ vũ », nhưng câu dưới viết là « Song-song đưa tới trước đảo sánh vai »: chính ra chữ « cồ vũ » và chữ « sánh đôi » mới phải.

— Quốc-ngữ, phương-bản và Kim Vân Kiều chú đều viết: « Tin nhà ngáy một vắng tình, Mạn tình cát-lũy, nhạt tình tao-khang ». Kinh bản và Vương Kim diễn tự viết là « Mạn tình cát-lũy, nhạt nguyệt tao-khang »: nghĩa giống nhau, cồ lẽ vì cho chữ « tình » không đúng văn chữ « tin », nên đổi chữ « nguyên » cho hợp.

— Bản quốc-ngữ năm 1920 (tr. 100) chép câu 1496 là « Đánh tình, sinh mới quyết lòng hồi trang », Phương bản và Kim Vân Kiều chú viết: « Đánh tình, sinh mới quyết lòng hồi trang ». Bản quốc-ngữ năm 1943 (tr. 369) và kinh bản cùng Vương Kim diễn tự đều chép là « Đánh lòng sinh mới quyết lòng hồi trang ».

— Bản quốc-ngữ năm 1920 viết: « Rạng mai gửi đến xuân-đường »; bản quốc-ngữ mới (1943) viết « Rạng ra gửi đến

xuân đường ». Các bản nôm đều viết « Sắn-ragừi đến xuân-đường »: chữ « rặng » và chữ « sắn » cũng nghĩa; nhưng theo lối văn nôm hai chữ « rặng ra » cho là « hệnh-thanh », nên theo các bản nôm mới phải.

— Hai bản quốc-ngữ và phương bản, Kim Vân Kiều chú đều viết « Sông Tần một giải xanh-xanh ». Kinh bản (tờ 38 b), Vương Kim diễn tự (tờ 43 b) đều viết « Sông Tần một giải trong xanh ».

— Bản quốc-ngữ năm 1920, kinh bản, Vương Kim diễn tự và Kim Vân Kiều chú đều viết « Cầm tay dài thởi, ngắn than », Phương bản và quyển quốc-ngữ mới viết là « Cầm tay dài ngắn thởi-than » không đúng, vì khi chia phối, thì cả. Trong ly biệt có từng lúc, cho nên đặt « dài thởi, ngắn than » để tả rõ tình cảnh; nếu ghép chữ « dài ngắn » chữ « thởi-than » đi với nhau thì nghe cũng thuận, nhưng không hay.

— Quốc-ngữ mới (1943), phương-bản, Vương Kim diễn tự và Kim Vân Kiều chú đều viết « Dễ lòa yếm tằm tròn kim ». Kinh bản viết « Dễ mà yếm tằm tròn kim ». Cụ Kiều-oánh-Mậu có chưa mấy chữ rằng: « Câu ấy nghĩa là sai người lòa xấu kim thì không để được; nếu theo nghĩa ấy, thì chữ lòa vào đây không trôi. »

— Câu « lằm chỉ bụng mắt bắt chim khó lỏng » cụ Kiều-oánh-Mậu có chưa chữ « bụng mắt bắt chim » do câu « yếm mực bộ tước » là tục ngữ tàu.

— Các bản đều viết câu 1510 là « Đêm nhà trước, lều nói song cho mình »; duy bản quốc-ngữ mới (tr. 372) in nhầm là « nói song cho mình ».

Phương-bản viết: « chền đơ như hũ hôm nay Cáo mừng xir đợi đêm này năm sau ». Hai bản quốc-ngữ viết « ngày này năm sau ». Kinh bản và Vương Kim diễn tự viết là « bữa này năm sau ». Câu này theo chữ « bữa », mới phải vì câu trên đã có chữ « chén » chữ « bữa », thì câu dưới cũng phải có chữ « chén » chữ « bữa » mới đúng. Nếu đã có chữ « chén » mà lại đặt chữ « ngày », chữ « đêm » thì không hay.

— Quốc-ngữ và kinh bản chữ nôm đều viết: « Duyên Đảng thỉ lệ nẻo gió đơ ». Duy kinh bản viết: « Duyên đảng sớm thuận gở đơ ».

— Các bản đều viết: « Mệ g người đã lằm tin nhà thì lằm ». Duy kinh bản viết: « tin nhà ổn không ».

— Quốc-ngữ viết: « k ế trong miệng chén có bỏ đi đâu? » Các bản nôm đều viết: « k ến trong miệng chén bỏ đi đâu? » Chữ « lại » hay hơn.

— Quốc-ngữ, Vương Kim diễn tự và Kim Vân Kiều chú đều viết « Cho người thăm ván bán thuyền biết tay ». Các bản « thăm ván bán thuyền » vào câu này thì không có nghĩa, vì đã biết « thăm ván » rồi mới « bán thuyền », sao lại còn chèn. Vì thế phương-bản mới chữa là « buôn ván bán thuyền ». Có bản chép là « sắn ván bán thuyền ». Duy kinh bản viết là « tha » ván bán thuyền » mà chưa nghĩa là « tham nói nói », có lẽ phải hơn. Lại có bản viết là « sắn ván bán thuyền » đều không bằng chữ « tham ».

(Còn nữa)

Ứng hóa (1)

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiến nhân tống An-Tư công-chúa
vụ Thoát-Hoan, dục thư quốc nan dã. »
(Đại Việt sử-ký (toàn thư))

Kính tặng hương hồn mẫu thân

NGUYỄN HUY-TUÔNG

Số 4

An-Tư hơi khó chịu, vì họ đến từ ngẫu thi-giờ đã gần mà nàng được hưởng bên cạnh vị-hôn-phu. Giây phút giá thiêng liêng mà họ phạm một cái lỗi phũ phàng. Tuy vậy, nàng cũng phải giữ một thái độ bình tĩnh, đối đáp mọi người và truyền cho mọi người một tin tưởng, mãnh liệt về tương lai. Trống canh tr đã dềm, nàng sốt ruột và oán giận chị em, khi họ tỏ ra về thì đầu đầu đã có tiếng gà gáy sáng.

Khi nàng tiến họ về, trở vào buồng trong, không thấy chàng, lấy làm lạ. Chợt nghe tiếng ngáy trong giường, nàng rón rén lại vén màn. Trong ánh đèn mập mờ, chàng đang ngủ say, chân gãi kéo lên đen cồ. Gác ngủ càng làm bật nổi khuôn mặt đứng kiêu của người thanh niên. Nàng cũng nhìn không chớp mắt. Lâu lâu nàng rón rén bước sang buồng bên, quạt lỗ cửa sổ để choốc lửa phía trái thối chàng.

Thấy cái dây của chàng dưới chân kỹ, nàng tò mò mở ra xem. Trong dây xếp lộn độn những đồ vật, quần áo, khăn tay, gương lược, xiên bút, một quyển sổ, một chiếc ấm độc ấm, và x chèo da lợn, mã, con dao, một cuốn

Bình thư yếu lược của Quốc-công. Nàng ngắm nghía từng chiếc một, mỗi vật đều có một linh hồn và đối với nàng đều có chút tình quyến luyến. Nàng nghĩ:

— Rồi nhữg đồ vật này sẽ theo vương ra trận. Dạy ta không.

Nàng thầm ước ao được đi theo chàng để lo việc cơm nước và cùng chàng chung những nỗi gian lao lận khổ. Dần dần nàng giở ra cả một hộp đồ ăn: Một đôi dưa ngà, một bát và hai đĩa gỗ, ánh sáng mẹ chàng mới sắm cho, vì còn mới, và đều có khắc mấy chữ: « Đấng biab cường khẩu ». Các phụ-nhân sợ con quên làm bữa-phận, nên khắc chữ vào những đồ vật dụng này để nhắc nhở con, vì ngày nào chàng chẳng phải ăn hai bữa?

An-Tư nằm bầm. « Mẫu thân hỡi mẹ Nhạc Phủ, nhiều ô, nàng lấy hộp khăn của nàng có sẵn kim chỉ và tuyn vá, để chằng vào đây, bồng khi chàng muốn vá hay muốn đính chiếc khuy. Nàng chỉ: trên sa trường tung hoành xuông-đột, áo quần của chàng sẽ rất dễ hư hỏng. Nàng lại cẩn thận để vào đây một thanh quế tốt, và mười lăm thuốc cầm, phòng khi chàng trái gió trở gió... »

Chợt nàng nằm bầm:

— Chết chưa ta quên rồi. Không biết có kịp không.

Nàng nhớ đến bức thêu còn dở, nàng vùng đứng dậy, tóc xỏa trôi theo lưng nàng xuống đất như làn sóng đen bể, nàng giật mình quay lại thì trong khung cửa thông hai buồng với nhau, chàng một tay nắm đốc kiếm, một tay vịn cửa, chân bắt chéo đứng nhìn nàng bằng đôi mắt lửa âm thầm không chớp. Nàng nhoẽn miệng hoa, má trái lúm đồng tiền xinh đáng, má đỏ ửng vì thẹn thò.

Chàng bước lại ở trong buồng thêu thân mật nhất của An-Tư, chàng cảm thấy một hương vị mê ly, sáng khác trong góc thế giới vô cùng huyền ảo ấy. Đây là nơi mà nàng đã để hết tình thần bày biện, vừa âm cúng, vừa trang nhã, vừa mơ màng, toàn thể decor một thì vị kín đáo xinh xinh. Dần dần, chàng bước lại gần nơi thiêng liêng nhất, im lìm và chào đón như một xóm dân nguyên: Chiếc giường phẳng phất một mùi hương nhẹ nhẹ, mê người với đệm hoa, chân gấm, gối thêu, trong đệm giá lạnh này, chiếc giường như ưu ý, chân đệm sơn ghi dấu thấn hinh ngà ngọc, và đầu giường như quang hoi nóng của giai nhân. Rồi không để ý đến câu chuyện bên ngoài, chàng nằm xuống giường. Vì mấy hôm đường trường vất vả, chàng ngủ đi lúc nào không biết. Khi choàng dậy, bước ra phòng thấy nàng đang ngồi xếp gọn lại đồ đạc của mình, ân cần đợi người vợ chính thức, chàng thấy người đứng ngắm.

Chàng bước lại, tươi cười nói:

— Đa tạ công chúa. Lòng anh

câu này, xin hẹn đến kiếp sau bảo đáp.

Sợ nàng vẫn lại tức, chàng tiếp:

— Thế gian đồn tóc công chúa đẹp, dài và dài các không có thứ mây khói nào sánh kịp. Hôm nay vĩnh biệt, tôi không ngờ lại được ngắm làn tóc hiền. Công chúa ăn mặc sơ sài, không sơn phấn, trang sức, lại càng đẹp lắm.

Nàng quắc vọt tóc và nói:

— Tôi thấy Vương xếp luộm thuộm nên xếp lại cho đây! Lúc này tôi muốn nói tặng vương một vật mọn, đây.

— Công chúa có lòng cho thực là quý hóa, biết lấy gì báo đáp?

Nàng lấy ra hũc thêu, chàng cầm xem, thán phục:

— Đường thêu của công chúa, nồng đậm có phép, uểng đờn không ngoa. Tôi thực có điểm

phúc mà được hũc thêu này, rơm anh em chúng bạn nhiều lắm

— Hiềm vì thêu còn dở!

— Càng đẹp, hai chữ « sát Thát » này tôi xin ghi dạ. Tôi đi pi en này, trong mình mang ba vật báu: Bào kiếm của phụ-vương, bửc thêu của Mẫu-thân, bửc thêu của công-chúa, mà không làm nên công trạng gì, thì nhục bao nhiêu. Xin đả tạ công-chúa. Chỉ nghĩ là tôi không thêm trọng, không biết báo đáp cách nào. Nguyên xin vì non sông xuất lực, muốn lao nghìn chết cũng không từ.

— Xin vương đề cho tôi thêu nốt đã,

— Công chúa cho thế này là đủ lắm rồi. Thi-giờ đã ít, biệt nhau trong gang tấc, xin đề thi-giờ nói chuyện.

Nàng tan ra trong nước mắt, cổ

trần tình cũng không cầm lại được. Vương thuyên giải hồi lâu, nàng nghẹn-ngạo nói:

— Nay vương ra trận, tôi thân hầu hầu, không được theo gót ngựa sớm trưa hầu hạ, thực là lèn.

— Công chúa đừng nên nghĩ thế.

— Vậy trước khi vương đi xong pla chiến trận, xin có lời này. Phận gái chữ tòng, một nhời đã ước, xin thấy chung đời vương cho đến ngày tái lồi. Mà dù nguê gươm đao bắt trần, vương có vì non sông mệnh hệ nào, tôi xin theo tử tử cho đến già để đáp tình nghĩa.

(Còn nữa)

NGUYỄN HUY-TƯỜNG

Ai cũng ham đọc

LUẬN-LÝ

DU-THUYẾT

YẾU-THUẬT

Giá 3 \$ 80

TÂN HIỆU KINH Giá 1 \$ 20

(có nguyên văn chữ Hán)



TRONG TỦ SÁCH HỌC THUẬT

QUỐC-HỌC

Thư đề cho: M. LÊ VĂN HOÈ

16 bis Rue Tientsin Hanoi

Thư-xã Alexandre de Rhodes
Mới xuất bản

NOUVELLE TRADUCTION
DU
KIM VĂN KIỀU

của M. R.

Một bản dịch Pháp-văn lột hết tinh thần cuốn « **ĐOẠN TRƯỜNG TÂN-THIAN** », một cuốn sách quý cho bạn yêu thơ yêu văn.

bản in mỹ thuật có hạn, 150 trang, khổ 17x23

bản thường 0 \$ 00 cước 0 \$ 50

bản giấy Đại-la 10 \$ 00, cước 1 \$ 00

TRÊN CUNG TRẮNG

Trúc-Đỳnh dịch thuật

cuốn « *Voyage autour de la Lune* » của Jules Verne 220 trang khổ 17x23, bìa 3 màu và 26 bức phụ bản của Mạnh Quỳnh vẽ.

bản thường 4 \$ 00 cước 0 \$ 60

bản giấy Đại-la 12 \$ 00 cước 1 \$ 00

Tổng phát hành

MAI-LINH

21, Rue des Pipes Hanoi

25 Juillet có bán

VĂN MINH SỬ

Trong bộ « Nhân Loại tiến hóa sử »

của

NGUYỄN BACH KHOA

- Nhìn suốt con đường tiến hóa của văn minh loài người từ thời thái cổ đến hiện tại
- Đồ án cơ-cấu thành lập của các yếu tố văn minh như kinh tế, chính trị, tư tưởng, nghệ thuật.
- Khám phá mối quan hệ giữa văn minh đồng phương và văn minh tây phương.



Tủ sách « TÂN VĂN HÓA »
HÀN THUYỀN PHÁT HÀNH

71 Tien tsin Hanoi

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC**SỬ LU'ỢC**của **PHAN KHOANG**

Một bộ sách kê-cứu rõ-ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất quý của hết thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại :

Loại thường bán 6\$50 cước 0\$47

Loại đặc-biệt 15\$00 cước 0\$80

Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :

Nhà in MAI-LINH Hanoi

do **QUẢNG VẠN THÀNH** phát hành

có bán :

LÒNG VÀNG

Ed de Amicis đại văn hào nước Ý soạn
Hải-Hạc dịch

Một quyển giáo-khoa đào luyện tinh thần ái quốc. Các giáo-sư, các phụ huynh và các học sinh đều nên đọc để rõ biết cách giáo-dục bằng tinh cảm, và rèn luyện tâm-tư trí-khí cho trẻ em.

Giá 4\$00

Ở xa, xin gửi thêm 0p.60 cước bảo đảm.

đang in :

ĐỜI ĐOÀN THÈ

Hải-Tùng soạn

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Giá 2\$00

Vì nào gửi tiền đặt mua trước ngày 15 Juillet 1944, trừ 20 % cước phí không phải chịu.
Vị nào mi ễn b ết nói đúng sách, xin cho biết địa chỉ.

Thư từ liền nong xin đề :

Đ. Nguyễn văn Minh

Hiệp Quảng Vạn Thành - Hanoi, 16 phố Lê Lợi

Haiphong, 51 - Doumer - Hải Dương Kinh môn phố Yên Lư

REVUE TRI-TÂN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : Nguyễn-Trung Phương

Imp. Tri-Tân 95-97 Chancéaulme, Hanoi